

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Điện Biên, ngày tháng 7 năm 2023

DƯ THẢO**NGHỊ QUYẾT**

Thông qua Đề án xây dựng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị trên địa bàn tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2023 - 2030

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh; Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh;

Căn cứ Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức vật chất hậu cần trong Công an nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới;

Căn cứ Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục xét công nhận đạt chuẩn văn minh đô thị;

Căn cứ Thông tư số 45/2022/TT-BCA ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 65/2021/TT-BCA ngày 11 tháng 06 năm 2021 của Bộ Công an quy định về quản lý biên chế trong Công an nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BCA ngày 17 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định tiêu chuẩn, định mức trang bị cho Công an xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Quyết định số 5764/QĐ-BCA-V05 ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an về việc ban hành Bộ tiêu chí tạm thời xây dựng thí điểm Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị;

Căn cứ Quyết định số 7978/QĐ-BCA-H02 ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành quy định về định mức sử dụng đất an ninh Công an nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 21-NQ/TU ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Điện Biên về xây dựng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị;

Sau khi xem xét Tờ trình số 2858/TTr-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Đề án “Xây dựng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị trên địa bàn tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2023 - 2030”; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh số..... /BC-BPC ngày.....tháng 7 năm 2023 và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án “Xây dựng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị trên địa bàn tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2023 - 2030” kèm theo Tờ trình số 2858/TTr-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2023 do Ủy ban nhân dân tỉnh trình tại kỳ họp.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết thông qua Đề án để chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị Quyết.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XV, kỳ họp thứ Mười một thông qua ngày.....tháng 7 năm 2023./.

Nơi nhận:

- UBTW Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Công an;
- Bộ Nội vụ;
- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Đại biểu QH, ĐB HĐND tỉnh;
- Công TTĐT Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, CVHD.

CHỦ TỊCH

Lò Văn Phương

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

ĐỀ ÁN

**Xây dựng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự
và văn minh đô thị trên địa bàn tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2023 - 2030**
(Ban hành kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 7 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Sự cần thiết ban hành Đề án

Thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 15/3/2018 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới sắp xếp tổ chức bộ máy Công an các cấp tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả và Luật Công an nhân dân năm 2018; Bộ Công an, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo lực lượng Công an tỉnh quyết liệt thực hiện công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng “*Bộ tinh, tỉnh mạnh, huyện toàn diện, xã bám cơ sở*”, nhất là xây dựng Công an xã, phường, thị trấn; Công an phường đã cơ cấu lại đội ngũ cán bộ theo hướng tăng cường chất lượng, chuẩn hóa chức danh và xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực; tập trung đầu tư, hiện đại hóa phương tiện phục vụ công tác, chiến đấu. Thực tế cho thấy, hiệu quả các mặt công tác không ngừng nâng lên, lực lượng Công an phường đã chủ động bám sát địa bàn, nắm chắc tình hình, tham mưu giải quyết tốt các vụ việc phức tạp, nổi lên về ANTT ngay tại cơ sở; đấu tranh quyết liệt, hiệu quả với các loại tội phạm và tệ nạn xã hội; công tác quản lý Nhà nước về ANTT được thực hiện bài bản, đúng quy định của pháp luật; công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc (ANTQ) có nhiều đổi mới cả về nội dung và phương pháp, huy động được sự tham gia của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân.

Tuy nhiên, tổ chức biên chế, cơ sở vật chất của lực lượng Công an phường chưa đảm bảo so với yêu cầu thực tế thực hiện nhiệm vụ. Hiện nay toàn tỉnh có 09 đơn vị Công an phường, trong đó còn 02 đơn vị Công an phường Mường Thanh và Công an phường Noong Bua chưa có trụ sở làm việc; có 7/9 đơn vị đã có trụ sở làm việc riêng nhưng cơ sở vật chất (nơi làm việc, chỗ ăn nghỉ, trang thiết bị, phương tiện, công cụ hỗ trợ...) còn nhiều hạn chế, chưa đồng bộ và đầy đủ, nhiều danh mục được trang bị từ lâu nay đã xuống cấp; nhiều trang thiết bị, phương tiện còn thiếu theo định mức quy định tại Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 21/10/2021 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức vật chất hậu cần trong Công an nhân dân và của Bộ Công an, chưa đáp ứng yêu cầu công tác, chiến đấu, sinh hoạt, ảnh hưởng lớn đến việc triển khai các mặt công tác bảo đảm ANTT.

Đồng thời qua rà soát, đánh giá cho thấy Công an các phường trên địa bàn tỉnh đều chưa đạt các tiêu chí xây dựng “Công an phường điển hình, kiểu mẫu về ANTT và văn minh đô thị” ban hành kèm theo Quyết định số 5764/QĐ-BCA-V05, ngày 13/7/2021 của Bộ Trưởng Bộ Công an (mới có 02 phường đạt 18/22 tiêu chí; 02 phường đạt 17/22 tiêu chí; 02 phường đạt 16/22 tiêu chí; 03 phường đạt 15/22 tiêu chí).

Để xây dựng lực lượng Công an nhân dân chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, trong đó có lực lượng Công an phường, Luật Công an nhân dân năm 2018, tại Điều 13 quy định về trách nhiệm của HĐND, UBND các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm “*Quyết định ngân sách bảo đảm thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội của địa phương*”, “*tham gia xây dựng Công an nhân dân, bảo đảm chế độ, chính sách đối với Công an nhân dân và các tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự tại cơ sở*”. Đồng thời, tại Hội nghị sơ kết 01 năm xây dựng thí điểm “Công an phường điển hình, kiểu mẫu về ANTT và văn minh đô thị” tại 05 thành phố trực thuộc Trung ương vào ngày 12/9/2022, đồng chí Trung tướng Lê Quốc Hùng, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Công an đã kết luận và giao cho Công an các địa phương tham mưu cho Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết, UBND tỉnh ban hành Đề án xây dựng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về ANTT và văn minh đô thị (Thông báo số 1530/TB-V05 ngày 26/9/2022 của Bộ Công an); bên cạnh đó, ngày 04/11/2022, Đảng ủy Công an Trung ương đã có Công văn số 1146-CV/ĐUCA về việc xây dựng Công an điển hình, kiểu mẫu về ANTT và văn minh đô thị; theo đó có đề nghị Ban Thường vụ các Tỉnh ủy nghiên cứu ban hành Nghị quyết chuyên đề về xây dựng thí điểm Công an điển hình, kiểu mẫu về ANTT và văn minh đô thị. Trên cơ sở đó, ngày 09/02/2023, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 21-NQ/TU về xây dựng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về ANTT và văn minh đô thị, trong đó có chỉ đạo Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh xây dựng Đề án “Xây dựng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về ANTT và văn minh đô thị”.

Vì vậy, việc ban hành Đề án “Xây dựng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị trên địa bàn tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2023 – 2030” là cần thiết nhằm cụ thể hóa kịp thời các quy định của pháp luật hiện hành và chủ trương của Bộ Chính trị, của Đảng ủy Công an Trung ương và của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an nhân dân thực trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, góp phần quan trọng vào việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh ở địa phương, cơ sở trên địa bàn tỉnh.

2. Căn cứ xây dựng Đề án

2.1. Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ

sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

- Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;
- Luật Công an nhân dân ngày 20/11/2018;
- Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;
- Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;
- Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh; Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 14/5/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh;
- Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 21/10/2021 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức vật chất hậu cần trong Công an nhân dân;
- Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/3/2022 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới;
- Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục xét công nhận đạt chuẩn văn minh đô thị;
- Thông tư số 45/2022/TT-BCA ngày 01/11/2022 của Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an xã, phường, thị trấn;
- Thông tư số 65/2021/TT-BCA ngày 11/06/2021 của Bộ Công an quy định về quản lý biên chế trong Công an nhân dân;
- Thông tư số 69/2021/TT-BCA ngày 17/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định tiêu chuẩn, định mức trang bị cho Công an xã, phường, thị trấn;
- Thông tư số 25/2022/TT-BCA ngày 19/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về Cảnh sát khu vực;
- Quyết định số 5764/QĐ-BCA-V05 ngày 13/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an về việc ban hành Bộ tiêu chí tạm thời xây dựng thi điểm Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị;
- Quyết định số 7978/QĐ-BCA-H02 ngày 27/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành quy định về định mức sử dụng đất an ninh Công an nhân dân;
- Nghị quyết số 21-NQ/TU ngày 09/02/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Điện Biên về xây dựng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị;

- Thông báo số 1530/TB-V05 ngày 26/9/2022 của Bộ Công an về Kết luận, chỉ đạo của đồng chí Trung tướng Lê Quốc Hùng, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Công an Hội nghị sơ kết 01 năm xây dựng thí điểm “Công an phường điển hình, kiểu mẫu về ANTT và văn minh đô thị” tại 05 thành phố trực thuộc Trung ương;

- Công văn số 1146-CV/ĐUCA ngày 04/11/2022 của Đảng ủy Công an Trung ương về việc xây dựng Công an điển hình, kiểu mẫu về ANTT và văn minh đô thị;

- Kế hoạch số 556/KH-BCA-V05 ngày 04/11/2022 của Bộ Công an về việc tiếp tục triển khai xây dựng thí điểm Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị.

2.2. Cơ sở thực tiễn

2.2.1. *Đối chiếu với Bộ Tiêu chí xây dựng “Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị” ban hành kèm theo Quyết định số 5764/QĐ-BCA-V05 ngày 13/7/2021 của Bộ Trưởng Bộ Công an:* Trong tổng số 09 đơn vị Công an phường trên địa bàn tỉnh: Có 02 phường đạt 18/22 tiêu chí, 02 phường đạt 17/22 tiêu chí, 02 phường đạt 16/22 tiêu chí, 03 phường đạt 15/22 tiêu chí (*Có Phụ lục 1 chi tiết các tiêu chí kèm theo*)

2.2.2. *Về đội ngũ cán bộ, chiến sĩ Công an phường:* Công an phường có tổng số 92 cán bộ, chiến sĩ (09 Trưởng Công an phường; 22 Phó trưởng Công an phường; 61 Cán bộ, chiến sĩ), còn thiếu 43 đồng chí theo quy định về biên chế. Trình độ chuyên môn nghiệp: Thạc sĩ 02 đồng chí; Đại học 54 đồng chí; Cao đẳng 02 đồng chí; Trung cấp 34 đồng chí. Mô hình tổ chức của 09/9 đơn vị Công an phường trên địa bàn tỉnh đều chưa được bố trí đủ biên chế (15 cán bộ, chiến sĩ/01 phường) và 04 tổ theo quy định của Bộ Công an (tổ Tổng hợp; tổ Cảnh sát khu vực; tổ Cảnh sát trật tự; tổ Cảnh sát phòng, chống tội phạm) quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BCA ngày 11/06/2021 về quản lý biên chế trong Công an nhân dân.

2.2.3. *Về cơ sở vật chất Công an phường:* Trong 09 đơn vị Công an phường thì còn 02 đơn vị chưa có trụ sở làm việc (Công an phường Mường Thanh và Công an phường Noong Bua), có 07/9 đơn vị đã có trụ sở làm việc riêng nhưng cơ sở vật chất (nơi làm việc, chỗ ăn nghỉ, trang thiết bị, phương tiện, công cụ hỗ trợ...) còn nhiều hạn chế, chưa đồng bộ và đầy đủ, nhiều danh mục được trang bị từ lâu nay đã xuống cấp; nhiều trang thiết bị, phương tiện còn thiếu theo định mức quy định tại Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 21/10/2021 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức vật chất hậu cần trong Công an nhân dân, chưa đáp ứng được yêu cầu công tác, chiến đấu, sinh hoạt, gây ảnh hưởng lớn đến việc triển khai các mặt công tác bảo đảm ANTT.

2.2.4. *Về đất an ninh xây dựng Công an phường:* Còn 02 đơn vị chưa có đất để xây dựng trụ sở (Công an phường Mường Thanh và Công an phường Noong

Bua); có 07/9 đơn vị đã có quỹ đất để xây dựng trụ sở, bảo đảm diện tích đất theo quy định tại Quyết định 7978/QĐ-BCA-H02 ngày 27/10/2022 của Bộ Công an về định mức sử dụng đất an ninh trong Công an nhân dân (Công an phường Tân Thanh 890m²; Công an phường Na Lay 1.139m²; Công an phường Nam Thanh 716m²; Công an phường Sông Đà 1.185m²; Công an phường Thanh Trường 1.054m²; Công an phường Him Lam 585m²; Công an phường Thanh Bình 630,11m²).

2.2.5. *Về thiết bị, phương tiện, công cụ hỗ trợ*: Bộ Công an và Công an tỉnh đã trang cấp kịp thời một số trang thiết bị thiết yếu cho lực lượng Công an phường để phục vụ các mặt công tác, bao gồm: mỗi đơn vị Công an phường được trang bị từ 02 đến 06 bộ máy vi tính; bàn ghế làm việc; giường, tủ sắt, công cụ hỗ trợ phục vụ công tác khác... với tổng số là 55 danh mục các phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ. Ngoài ra, 03 đơn vị Công an phường (Tân Thanh, Thanh Trường và Him Lam) mỗi đơn vị được trang bị 01 xe máy (xe mô tô). Nhìn chung trang thiết bị, phương tiện trang cấp cho Công an các phường còn thiếu nhiều, chưa đáp ứng được yêu cầu công tác và có một số trang thiết bị còn chưa phù hợp với thực tế địa bàn.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI

1. Quan điểm

1.1. Thực hiện nghiêm các chủ trương, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng lực lượng Công an nhân dân, nhất là Bộ tiêu chí về xây dựng “Công an phường điển hình, kiểu mẫu về ANTT và văn minh đô thị”; gắn việc thực hiện các tiêu chí Công an phường điển hình, kiểu mẫu về ANTT và văn minh đô thị với việc xây dựng chính quyền cơ sở trong sạch, vững mạnh; có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa lực lượng Công an với các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, trong đó lực lượng Công an là nòng cốt.

1.2. Bảo đảm cơ sở vật chất cho lực lượng Công an phường cần huy động mọi nguồn lực của xã hội, trong đó bao gồm nguồn lực từ ngân sách nhà nước cấp, kinh phí của Bộ Công an hỗ trợ và ngân sách của địa phương.

1.3. Việc xây Công an điển hình, kiểu mẫu về ANTT và văn minh đô thị cần phải đánh giá đúng thực trạng cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác của lực lượng Công an phường; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc thực hiện Đề án; đảm bảo tính khả thi, hiệu quả của Đề án khi triển khai thực hiện.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Đến năm 2030, tỉnh Điện Biên hoàn thành việc xây dựng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về ANTT và văn minh đô thị, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/3/2022 của Bộ Chính trị, chủ trương của Đảng

ủy Công an Trung ương, Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về ANTT và văn minh đô thị trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Đề án được thực hiện từ năm 2023 đến năm 2030 với 02 giai đoạn:

- *Giai đoạn 1, từ năm 2023 - 2025:* Năm 2023, tập trung quyết liệt xây dựng thí điểm 01 đơn vị Công an phường tại thành phố Điện Biên Phủ. Năm 2024 và 2025, mỗi năm xây dựng 01 đơn vị Công an phường tại thành phố Điện Biên Phủ và 01 đơn vị Công an phường tại Thị xã Mường Lay. Đến năm 2025, tổng cộng 05 đơn vị Công an phường đạt chuẩn đơn vị kiểu mẫu về ANTT và văn minh đô thị.

- *Giai đoạn 2, từ năm 2026 - 2030:* Tập trung duy trì bền vững các đơn vị Công an phường đã đạt các tiêu chí và tiếp tục xây dựng các phường hiện tại có tỷ lệ đạt tiêu chí còn thấp, mỗi năm xây dựng ít nhất 01 đơn vị Công an phường (tổng cộng có 04 đơn vị Công an phường). Phần đầu đến năm 2030, hoàn thành việc xây dựng 100% các đơn vị Công an phường trên địa bàn tỉnh đạt chuẩn đơn vị kiểu mẫu về ANTT và văn minh đô thị.

3. Phạm vi của Đề án

Đề án được triển khai thực hiện đối với 09/9 đơn vị Công an phường trên địa bàn tỉnh Điện Biên (*thành phố Điện Biên Phủ 07 phường, thị xã Mường Lay 02 phường*).

III. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nội dung của Đề án

Các cấp, các ngành, các địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp và chủ động các nguồn lực để thực hiện đồng bộ, toàn diện các tiêu chí về xây dựng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về ANTT và văn minh đô thị của Bộ Công an; cụ thể như sau:

1.1. Xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị phường: Hằng năm, Công an phường được Đảng ủy, UBND phường đánh giá là tập thể chi bộ, đơn vị làm tốt công tác tham mưu, đề xuất, quan hệ phối hợp hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo đảm ANTT trên địa bàn, góp phần xây dựng Đảng bộ phường đạt “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”; UBND phường đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”; phường đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT”.

1.2. Xây dựng lực lượng Công an phường

- Hằng năm, Chi bộ Công an phường đạt “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu trong năm và được Đảng ủy cơ sở xét tặng giấy khen; thi đua đạt “Hoàn thành vượt mức dẫn đầu”, đơn vị đạt danh hiệu “Đơn vị quyết thắng” và được công nhận “Đơn vị văn hóa, gương mẫu chấp hành Điều lệnh Công an nhân dân”; 100% cán bộ, chiến sĩ Công an phường được phân loại cán bộ “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.

- Thực hiện đúng mô hình tổ chức, đủ biên chế; cán bộ, chiến sĩ bảo đảm về tiêu chuẩn chính trị, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức pháp luật và lý luận chính trị; thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền theo quy định; thực hiện nghiêm quy tắc ứng xử của Công an nhân dân.

1.3. Đảm bảo cơ sở vật chất, kinh phí, trang thiết bị, phương tiện, vũ khí, công cụ hỗ trợ

- Bảo đảm có đủ diện tích đất xây dựng trụ sở làm việc và diện tích đất phục vụ sinh hoạt của cán bộ, chiến sĩ; khuôn viên, trụ sở làm việc được xây dựng đủ về diện tích, đúng mẫu, đúng thiết kế, đủ công năng hoạt động theo quy định, hợp lý, tiện ích, an toàn, toàn diện, không gian thoáng mát, khang trang, sạch đẹp, bảo đảm vệ sinh môi trường.

- Có đủ phương tiện giao thông, phương tiện nghiệp vụ, vũ khí, công cụ hỗ trợ theo quy định, đáp ứng tình hình bảo đảm ANTT ở mọi nơi, mọi lúc và trong mọi tình huống. Được bảo đảm đầy đủ kinh phí hoạt động thường xuyên, kinh phí nghiệp vụ, kinh phí hỗ trợ, tài trợ theo quy định; có hoạt động tăng gia cải thiện đời sống vật chất cho cán bộ, chiến sĩ trong điều kiện có thể, đúng quy định.

1.4. Công tác quản lý Nhà nước về an ninh trật tự trên địa bàn phường

- Thực hiện hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về ANTT trên địa bàn phường, trong đó có quản lý chặt chẽ về ngành nghề kinh doanh, đầu tư có điều kiện về ANTT, phòng cháy, chữa cháy, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và nhân, hộ khẩu; thực hiện nghiêm các quy định về quản lý cư trú và hoạt động của người nước ngoài, văn phòng đại diện có người nước ngoài lưu trú trên địa bàn; thường xuyên cập nhật, bổ sung thông tin của công dân vào hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống”; kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật theo chức năng, thẩm quyền. Không có vụ việc về cháy, nổ, tai nạn giao thông từ nghiêm trọng trở lên (trừ trường hợp bất khả kháng); không có đối tượng tham gia đua xe và không để xảy ra tình trạng đua xe trái phép trên địa bàn.

- Tham mưu cho UBND phường thực hiện tốt chức năng quản lý Nhà nước về tôn giáo, dân tộc; thường xuyên chăm lo đến việc thực hiện các chính sách về tôn giáo, dân tộc, tạo mọi điều kiện thuận lợi để các tổ chức, chức sắc, chức việc, tín đồ tôn giáo hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích trên cơ sở tuân thủ pháp luật; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hoạt động lợi dụng tôn giáo, dân tộc để hoạt động trái pháp luật gây phức tạp về ANTT.

1.5. Công tác phòng, chống tội phạm

- Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các mặt công tác nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và hướng dẫn của Công an cấp trên.

- Tổ chức trực ban, tiếp nhận tố giác, tin báo tội phạm, 100% tố giác, tin báo tội phạm được tiếp nhận, xử lý theo quy định; chủ động phát hiện, bắt giữ, tiếp nhận người phạm tội quả tang, người đang bị truy nã, người phạm tội đang lần

trốn, người trốn thi hành án, trốn khỏi cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, trường giáo dưỡng và giải quyết các trường hợp cụ thể khác trong công tác điều tra hình sự theo quy định của pháp luật.

- Không để xảy ra các loại tội phạm từ nghiêm trọng trở lên, lỗi cố ý, do công dân thường trú hoặc đăng ký tạm trú gây ra; kéo giảm ít nhất 06% tội phạm về trật tự xã hội so với năm trước; không có tụ điểm phức tạp về hình sự, ma túy, tệ nạn xã hội, các vụ việc phức tạp về tài nguyên, môi trường, an toàn thực phẩm trên địa bàn hoặc nếu có phải giảm ít nhất 50% so với năm trước và không có phát sinh mới. Không để xảy ra các vụ phạm tội về kinh tế, buôn lậu, gian lận thương mại, cơ sở sản xuất kinh doanh, tàng trữ, mua bán hàng giả, hàng cấm với số lượng lớn hoặc tái phạm; nếu có phải kịp thời phát hiện và báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định. Số người nghiện ma túy giảm ít nhất 15% so với năm trước, không phát sinh thêm người nghiện mới; số đối tượng truy nã phải được truy bắt hoặc vận động đầu thú tăng ít nhất 20% so với năm trước. Không có tội phạm hoạt động manh động, không có hoạt động theo “kiểu xã hội đen”; nếu có phải được kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý.

- Chủ động tham mưu cho UBND phường và quan hệ phối hợp quản lý, giám sát chặt chẽ 100% đối tượng tại địa bàn theo quy định, đúng trách nhiệm và thẩm quyền. Tỷ lệ tái phạm trong số người chấp hành xong án phạt tù, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện và các loại đối tượng khác trong diện quản lý tại địa bàn dân cư hằng năm dưới 1,5%.

- Chủ trì, phối hợp với các lực lượng (Dân quân tự vệ, Bảo vệ dân phố, Dân phòng...) bảo vệ tuyệt đối an toàn đối tượng cảnh vệ và các mục tiêu, công trình trọng điểm về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng theo quy định. Không để xảy ra bạo loạn, khủng bố, chống đối các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phá hoại khối đoàn kết dân tộc; kịp thời phát hiện và báo cáo cấp thẩm quyền giải quyết theo quy định.

- Tổ chức hoặc tham mưu, phục vụ việc tổ chức tiếp công dân theo đúng quy định của pháp luật. Tổ chức giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền, không để tồn đọng, phát sinh phức tạp kéo dài. Địa bàn phường không có khiếu nại, tố cáo tập trung đông người, vượt cấp trái pháp luật (trừ trường hợp bất khả kháng); phối hợp giải quyết kịp thời theo quy định chung, không để ảnh hưởng phức tạp đến ANTT trên địa bàn.

1.6. Công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và văn minh đô thị

- Tham mưu, đề xuất có hiệu quả công tác xây dựng phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, trong đó có nhiều hoạt động nổi bật, có tính khả thi cao, hiệu quả thiết thực về ban hành chủ trương, biện pháp, về các mô hình hay, việc làm sáng tạo được đông đảo quần chúng nhân dân hưởng ứng tham gia mang tính

tự giác và tự nguyện, được cấp ủy, chính quyền địa phương và Công an cấp trên đánh giá cao, đồng tình ghi nhận. Trong năm, Nhân dân và cán bộ phường được UBND tỉnh hoặc Bộ Công an tặng Bằng khen trở lên về thành tích trong phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- Tham mưu cho UBND phường thường xuyên chăm lo xây dựng, kiện toàn lực lượng Bảo vệ dân phố, Bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp theo quy định; không có tổ chức hoặc cá nhân trong lực lượng Bảo vệ dân phố vi phạm kỷ luật. 90% khu dân cư, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục trở lên trên địa bàn được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT”. Trong công tác nắm tình hình ở địa bàn cơ sở được cấp ủy, chính quyền và Công an cấp trên đánh giá thường xuyên chủ động, mọi vụ việc về ANTT ở cơ sở được giải quyết kịp thời và bảo đảm chế độ thông tin báo cáo.

- Hằng năm, thực hiện tốt các mô hình phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và mô hình “Dân vận khéo” của Công an nhân dân, có ít nhất 02 mô hình quần chúng tự quản về ANTT và 01 mô hình “Dân vận khéo” hoạt động hiệu quả. Tham mưu duy trì tổ chức có hiệu quả “Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” và công tác lấy ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức và Nhân dân đối với Công an nhân dân; 100% ý kiến góp ý của Nhân dân đối với lực lượng Công an phải được giải quyết kịp thời hoặc đề xuất giải quyết kịp thời, đúng quy định.

- Có 90% tổ dân phố trở lên trên địa bàn được công nhận “Tổ dân phố văn hóa”; 90% hộ gia đình trở lên được công nhận “Gia đình văn hóa”; 80% hộ gia đình trở lên thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và nếp sống văn minh đô thị; không có truyền bá, hành nghề mê tín dị đoan; nếu có ở nơi khác đến phải kịp thời phát hiện và xử lý theo quy định.

- Có 100% tổ dân phố xây dựng, thực hiện tốt quy ước cộng đồng; các vụ việc mâu thuẫn, bất hòa trong nội bộ Nhân dân được kịp thời giải quyết ngay tại cơ sở; 100% hộ gia đình sinh sống ven các tuyến đường giao thông công cộng có cam kết, thực hiện không lấn chiếm lòng, lề đường, vỉa hè, đặt biển quảng cáo sai quy định.

- Bảo đảm vệ sinh môi trường, thu gom rác thải theo quy định; 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn phường đạt tiêu chuẩn quy định về môi trường và an toàn thực phẩm (*đối với cơ sở sản xuất, nuôi trồng, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu thực phẩm*); tham mưu cho UBND phường làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm của người dân và doanh nghiệp trên địa bàn quản lý.

1.7. Công tác cải cách thủ tục hành chính

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả cải cách hành chính trong lĩnh vực ANTT; cải tiến lề lối, phương pháp làm việc hiệu quả “Vì Nhân dân phục vụ”. 100% thủ tục hành chính thuộc trách nhiệm, tiếp nhận, giải quyết được công khai tại đơn vị

theo quy định. 100% thủ tục hành chính được giải quyết đúng thời hạn, trong đó 10% trở lên được giải quyết trước thời hạn.

- Giữ đúng lễ tiết tác phong của người cán bộ Công an nhân dân khi làm nhiệm vụ tiếp dân, nêu cao trách nhiệm phục vụ Nhân dân, giữ vững kỷ cương, kỷ luật hành chính theo quy định. Không có đơn, thư phản ánh về tinh thần, thái độ không đúng mực, có hành vi tiêu cực của cán bộ, chiến sĩ Công an khi thi hành nhiệm vụ và khi tiếp xúc giải quyết thủ tục hành chính với Nhân dân hoặc nếu có nhưng được cơ quan có thẩm quyền kết luận là đơn phản ánh không đúng.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo; việc cung cấp, trao đổi thông tin với các đội nghiệp vụ của Công an thành phố, thị xã và các cơ quan, đơn vị trong và ngoài phường phải bảo đảm kịp thời, hiệu quả phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ.

2. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Đề án

2.1. Nhiệm vụ, giải pháp xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh

- Quan tâm, kiện toàn tổ chức bộ máy của cấp ủy đảng phường theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng, xác định rõ nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách cũng như trách nhiệm của người đứng đầu. Đảng ủy phường phải tuân thủ quy chế làm việc, quan tâm đào tạo, tuyển chọn được đội ngũ cán bộ có phẩm chất, năng lực; đổi mới phương thức tuyển chọn, bổ nhiệm cán bộ để chọn ra được những người đủ đức, đủ tài thực sự. Đồng thời cần phải thực hiện tốt cơ chế kiểm soát quyền lực, ngăn ngừa sự lạm quyền, vi phạm kỷ luật, kỷ cương, tham nhũng, lãng phí; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”.

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện bộ máy chính quyền bảo đảm thực hiện dân chủ, đổi mới xây dựng chính quyền phải kết hợp đồng bộ với đổi mới về kinh tế; chú trọng đổi mới việc đánh giá cán bộ gắn liền với vị trí việc làm, xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm trong cơ quan Nhà nước.

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng trong thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; thực hiện nghiêm quy định về trách nhiệm của người đứng đầu; làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương trong công tác triển khai, tổ chức thực hiện thắng lợi chương trình, nghị quyết, kế hoạch về công tác chuyên môn; chú trọng xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện về mọi mặt.

- Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên Công an phường có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trí tuệ, phẩm chất đạo đức cách mạng, có ý thức tổ chức kỷ luật, thực sự tiên phong, gương mẫu, đủ năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2.2. Nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng lực lượng Công an phường

2.2.1. Bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ và cử đi đào tạo: Nâng cao nhận thức, phát huy vai trò gương mẫu của lãnh đạo các cấp đối với nhiệm vụ xây dựng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về ANTT và văn minh đô thị; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức pháp luật và trình độ lý luận chính trị theo phương châm “Lý luận gắn với thực tiễn”; tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ Công an phường “Vừa hồng, vừa chuyên”, quán triệt sâu sắc quan điểm “Lấy dân làm gốc”, có bản lĩnh chính trị, tổ chức kỷ luật và ứng xử văn hóa, văn minh trong tiếp xúc và giải quyết công việc với Nhân dân. Tăng cường quản lý, sử dụng biên chế, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phải ngang tầm nhiệm vụ, đảm bảo thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được phân công; khuyến khích cán bộ, chiến sĩ tự học tập nâng cao trình độ về mọi mặt để đảm bảo các tiêu chuẩn chức danh theo đúng quy định của Ngành.

2.2.2. Về biên chế, tổ chức: Bảo đảm thực hiện đúng mô hình tổ chức, đủ biên chế đối với Công an phường theo quy định; ưu tiên bố trí những cán bộ có đủ trình độ, năng lực công tác tại Công an phường; làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, thực hiện tốt các chế độ chính sách để cán bộ yên tâm công tác; triển khai đồng bộ giải pháp sắp xếp, bố trí hoặc sử dụng cán bộ Công an phường hợp lý, phù hợp với yêu cầu công tác.

2.2.3. Công tác thi đua, khen thưởng và phân loại cán bộ: Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo Công an phường xây dựng chương trình, kế hoạch công tác phù hợp với chỉ tiêu, nhiệm vụ chung; tổ chức phát động phong trào thi đua “Vì an ninh Tổ quốc” và các phong trào thi đua khác theo chuyên đề, triển khai thực hiện các đợt cao điểm ra quân trấn áp tội phạm, thi đua lập thành tích chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn, sự kiện chính trị quan trọng của Đảng, Nhà nước, của địa phương và của ngành Công an; tham gia thực hiện các mô hình, phần việc, công trình mang ý nghĩa thiết thực và có tính chất động viên, định hướng phấn đấu lập công. Đăng ký và ký kết thi đua tập thể, cá nhân nhằm đẩy mạnh phong trào thi đua trong Công an phường, lập thành tích chung để đủ điều kiện được xét, đề nghị khen thưởng, công nhận các danh hiệu thi đua tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc, bảo đảm khách quan, có tác dụng động viên, khích lệ, cổ vũ, thúc đẩy phong trào thi đua sôi nổi, lan tỏa trong Nhân dân.

2.3. Nhiệm vụ, giải pháp về đảm bảo cơ sở vật chất, kinh phí, trang thiết bị, phương tiện, công cụ hỗ trợ

2.3.1. Kiểm tra đánh giá hiện trạng và đề xuất trang bị: Khảo sát, đánh giá và đề xuất nhu cầu, bố trí, trang bị hệ thống cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện, công cụ hỗ trợ theo đúng quy định, đáp ứng nhu cầu, nhiệm vụ bảo đảm ANTT tại địa bàn phường; xây dựng kế hoạch, lập dự toán phân bổ ngân sách, cấp kinh phí hoạt động thường xuyên, kinh phí nghiệp vụ, kinh phí hỗ trợ và các khoản chi cần thiết khác để trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt và tổ chức thực hiện.

2.3.2. *Đầu tư cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trụ sở làm việc*: Tập trung rà soát, khảo sát, lập dự toán và bố trí nguồn vốn để cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trụ sở làm việc của Công an phường bảo đảm công năng hoạt động theo đúng quy định.

2.4. Nhiệm vụ, giải pháp về công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự

2.4.1. *Công tác quản lý Nhà nước về an ninh, trật tự*: Tập trung hướng dẫn Công an phường thực hiện có hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về ANTT; thực hiện tốt chức năng quản lý Nhà nước về ngành nghề kinh doanh, đầu tư có điều kiện, phòng cháy, chữa cháy, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và nhân khẩu, hộ khẩu, quản lý cư trú; làm tốt công tác quản lý địa bàn, quản lý đối tượng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh với các loại tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác, không để phát sinh các vụ việc, vấn đề phức tạp về các lĩnh vực tài nguyên, môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, các tụ điểm về hình sự, ma túy, tệ nạn xã hội. Tăng cường, củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của các lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở; tham gia bảo vệ tuyệt đối an toàn cho các đối tượng cảnh vệ đến địa bàn (nếu có); đẩy mạnh công tác hướng dẫn nghiệp vụ, đào tạo kiến thức pháp luật, trang bị công cụ, phương tiện cần thiết khác để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đề ra.

2.4.2. *Công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo và dân tộc*: Nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo, dân tộc theo quy định của pháp luật. Chủ động phối hợp giải quyết có hiệu quả các vấn đề phức tạp liên quan đến tôn giáo, dân tộc, không để hình thành “điểm nóng”, gây bức xúc trong nhân dân.

2.5. Nhiệm vụ, giải pháp về công tác phòng, chống tội phạm

3.5.1. *Về công tác phòng ngừa*: Nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa tội phạm, củng cố, giữ vững phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; phát hiện và giải quyết kịp thời các xung đột xã hội, hòa giải các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân; làm tốt công tác quản lý những đối tượng có nguy cơ phạm tội, vi phạm pháp luật ngay tại địa bàn cơ sở. Phát huy vai trò của các cơ quan thông tin đại chúng, tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phản ánh khách quan, toàn diện công tác phòng, chống tội phạm. Đồng thời, tiếp tục tăng cường ứng dụng các nền tảng công nghệ số trong công tác phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm trong tình hình mới.

2.5.2. *Về công tác đấu tranh*: Đấu tranh mạnh mẽ, phản bác những quan điểm, tư tưởng sai trái, luận điệu xuyên tạc, thông tin không đúng sự thật về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong công tác phòng, chống tội phạm. Chủ động tấn công, trấn áp các loại tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức, tội phạm về ma túy, tội phạm liên quan đến hoạt động “tín dụng đen”, tội phạm công nghệ cao, tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực với quyết tâm

chính trị cao, hành động mạnh mẽ, quyết liệt và hiệu quả; chỉ đạo xử lý nghiêm các trường hợp cán bộ tiếp tay cho tội phạm và vi phạm pháp luật, không để xảy ra tình trạng “bảo kê” tội phạm.

2.6. Nhiệm vụ, giải pháp về công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và văn minh đô thị

2.6.1. Công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc:
Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng và sự quản lý, điều hành của chính quyền địa phương đối với công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao ý thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về bảo vệ an ninh Tổ quốc; đổi mới hình thức, biện pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc thiết thực, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của từng khu dân cư nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh ở cơ sở. Xây dựng, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến theo hướng xã hội hóa, tự phòng, tự quản, tự bảo vệ, tự hòa giải về ANTT từ cơ sở; vận động nhân dân chủ động phát hiện, tố giác tội phạm, tham gia giáo dục, giúp đỡ, cảm hóa người vi phạm pháp luật, người chấp hành xong án phạt tù tái hòa nhập cộng đồng. Tăng cường mối quan hệ phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ giữa lực lượng Công an với Quân đội, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên trong công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Thực hiện tốt các chương trình, kế hoạch phối hợp đã ký kết; lồng ghép công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc với việc thực hiện các Cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước khác và nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh tại địa phương. Tạo điều kiện thuận lợi cho người hoạt động không chuyên trách và lực lượng Bảo vệ dân phố, các tổ chức quần chúng làm nhiệm vụ bảo vệ ANTT ở cơ sở đủ sức hoàn thành tốt nhiệm vụ; khắc phục kịp thời những hạn chế, yếu kém trong quá trình tổ chức xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; động viên, khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc.

2.6.2. Thực hiện các quy định về văn minh đô thị: Nâng cao chất lượng xây dựng gia đình văn hóa gắn với xây dựng danh hiệu phường đô thị văn minh, tạo sự chuyển biến tích cực trong việc xây dựng con người có tư tưởng, đạo đức, lối sống, nếp sống văn hóa; thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc hiếu, hỷ, lễ hội; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa dân tộc; đẩy mạnh việc thực hiện xã hội hóa trong xây dựng các thiết chế văn hóa và hoạt động văn hóa, thể thao ở khu vực. Vận động nhân dân phát huy nội lực để xây dựng đô thị văn minh, xây dựng tổ dân phố, phường lành mạnh, không có tội phạm, tệ nạn xã hội. Thường xuyên tổ chức sinh hoạt “Ngày pháp luật” theo định kỳ, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức tự nguyện, tự giác của người dân và vai trò tự quản ở cộng đồng, tạo cơ chế quản lý đồng bộ để

phong trào ngày càng phát triển bền vững.

2.7. Nhiệm vụ, giải pháp về công tác cải cách hành chính

- Thực hiện nghiêm túc yêu cầu về cải cách chế độ công vụ, công chức, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong bộ máy chính quyền phường theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính; thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông; ban hành quy trình trong giải quyết thủ tục hành chính để thống nhất thực hiện.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách đặc thù về ngân sách, tài chính và sử dụng nguồn lực cải cách tiền lương cho cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường các biện pháp để quản lý và bảo đảm nguồn thu, kiểm soát việc sử dụng có hiệu quả tài chính công.

- Chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông quan tâm tuyên truyền thường xuyên, liên tục, bám sát các nội dung về công tác cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn; kịp thời phản ánh những vấn đề còn hạn chế, bất cập, góp phần xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh; đồng thời biểu dương, tuyên truyền nhân rộng các điển hình cá nhân, tổ chức và các mô hình hay, hiệu quả trong công tác cải cách hành chính.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện Đề án

1.1. Kinh phí trang cấp các loại phương tiện (ôtô, mô tô...), vũ khí, công cụ hỗ trợ, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ theo quy định của pháp luật do Bộ Công an bảo đảm.

1.2. Kinh phí sửa chữa, xây dựng mới trụ sở làm việc và trang thiết bị văn phòng cho Công an phường là 33.402.000.000 đồng (*Ba mươi ba tỷ, bốn trăm linh hai triệu đồng*), trong đó:

- Kinh phí trang cấp các thiết bị văn phòng là 3.324.000.000 đồng (*Ba tỷ, ba trăm hai mươi bốn triệu đồng*).

- Kinh phí sửa chữa và xây dựng mới trụ sở làm việc là 30.078.000.000 đồng (*Ba mươi tỷ, không trăm bảy mươi tám triệu đồng*): Xây dựng mới 02 đơn vị (Công an phường Mường Thanh: 9.818.000.0000 đồng; Công an phường Noong Bua: 13.400.000.000 đồng); sửa chữa trụ sở làm việc 07 đơn vị: 6.860.000.000 đồng.

2. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí do ngân sách Nhà nước đảm bảo, được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của Bộ Công an; ngân sách địa phương hỗ trợ theo phân cấp ngân sách Nhà nước hiện hành và các nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

2.1. Ngân sách Bộ Công an

2.1.1. Công an tỉnh báo cáo đề nghị với Bộ Công an bảo đảm kinh phí trang cấp các loại phương tiện (ôtô, mô tô,...), vũ khí, công cụ hỗ trợ, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ theo quy định của pháp luật và ngành Công an.

2.1.2. Hỗ trợ kinh phí đầu tư trụ sở làm việc cho Công an phường: Xây dựng mới trụ sở làm việc cho 02 đơn vị Công an phường Mường Thanh và Công an phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ: 13.217.882.000 đồng (*Mười ba tỷ, hai trăm mười bảy triệu, tám trăm tám mươi hai nghìn đồng*)

2.2. Ngân sách địa phương: Hỗ trợ 20.184.950.000 đồng (*Hai mươi tỷ, một trăm tám mươi tư triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng*), trong đó:

- *Vốn đầu tư:* 16.860.000.000 đồng (*Mười sáu tỷ, tám trăm sáu mươi triệu đồng*), gồm có:

+ Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất Công an phường: Hỗ trợ kinh phí xây dựng mới Trụ sở làm việc đối với 02 đơn vị Công an phường Mường Thanh và Công an phường Noong Bua: 10.000.000.000 đồng (*Mười tỷ đồng*)

+ Hỗ trợ kinh phí sửa chữa trụ sở làm việc của Công an các phường: Tân Thanh, Na Lay, Nam Thanh, Sông Đà, Thanh Trường, Him Lam, Thanh Bình: 6.860.000.000 đồng (*Sáu tỷ tám trăm sáu mươi triệu đồng*)

- *Vốn sự nghiệp:* Hỗ trợ 3.324.950.000 đồng (*Ba tỷ, ba trăm hai mươi bốn triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng*): Chi trang thiết bị văn phòng cho Công an các phường.

Trong quá trình thực hiện Đề án, cơ cấu nguồn vốn có thể điều chỉnh theo quy định để đáp ứng yêu cầu tiến độ thực hiện Đề án.

4. Phân kỳ bảo đảm kinh phí hằng năm

4.1. Dự chi nguồn kinh phí Bộ Công an bảo đảm trong các năm: Hằng năm bảo đảm kinh phí trang cấp các loại phương tiện, vũ khí, công cụ hỗ trợ, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ theo quy định của pháp luật và ngành Công an và chi đầu tư cơ sở vật chất trụ sở làm việc cho Công an phường.

4.2. Dự chi nguồn kinh phí địa phương trong các năm

- **Năm 2023:** 1.377.200.000 đồng (*Một tỷ, ba trăm bảy mươi bảy triệu, hai trăm nghìn đồng*); trong đó, vốn đầu tư: 980.000.000 đồng; vốn sự nghiệp: 397.200.000 đồng.

- **Năm 2024:** 2.682.650.000 đồng (*Hai tỷ, sáu trăm tám mươi hai triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng*); trong đó, vốn đầu tư: 1.960.000.000 đồng; vốn sự nghiệp: 722.650.000 đồng.

- **Năm 2025:** 2.703.000.000 đồng (*Hai tỷ, bảy trăm linh ba triệu đồng*); trong đó, vốn đầu tư: 1.960.000.000 đồng; vốn sự nghiệp: 743.000.000 đồng.

- **Năm 2026:** 5.388.350.000 đồng (*Năm tỷ, ba trăm tám mươi tám triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng*); trong đó, vốn đầu tư: 5.000.000.000 đồng; vốn sự nghiệp: 388.350.000 đồng.

- **Năm 2027:** 5.373.400.000 đồng (Năm tỷ, ba trăm bảy mươi ba triệu, bốn trăm nghìn đồng); trong đó, vốn đầu tư: 5.000.000.000 đồng; vốn sự nghiệp: 373.400.000 đồng.

- **Năm 2028:** 1.325.000.000 đồng (Một tỷ, ba trăm hai mươi năm triệu đồng); trong đó, vốn đầu tư: 980.000.000 đồng; vốn sự nghiệp: 345.000.000 đồng.

- **Năm 2029:** 1.335.350.000 đồng (Một tỷ, ba trăm ba mươi năm triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng); trong đó, vốn đầu tư: 980.000.000 đồng; vốn sự nghiệp: 355.000.000 đồng.

(Chi tiết tại các Phụ lục 2, 3, 4, 5 kèm theo)

5. Lộ trình thực hiện

- **Năm 2023:** Hoàn thành việc xây dựng đơn vị Công an phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ điển hình, kiểu mẫu về ANTT và văn minh đô thị.

- **Năm 2024:** Hoàn thành việc xây dựng 02 đơn vị Công an phường (Công an phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ và Công an phường Na Lay, thị xã Mường Lay) điển hình kiểu mẫu về ANTT và văn minh đô thị.

- **Năm 2025:** Hoàn thành việc xây dựng 02 đơn vị Công an phường (Công an phường Thanh Trường, thành phố Điện Biên Phủ và Công an phường Sông Đà, thị xã Mường Lay) điển hình, kiểu mẫu về ANTT và văn minh đô thị.

- **Năm 2026:** Hoàn thành việc xây dựng đơn vị Công an phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ điển hình, kiểu mẫu về ANTT và văn minh đô thị.

- **Năm 2027:** Hoàn thành việc xây dựng đơn vị Công an phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ điển hình, kiểu mẫu về ANTT và văn minh đô thị.

- **Năm 2028:** Hoàn thành việc xây dựng đơn vị Công an phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ điển hình, kiểu mẫu về ANTT và văn minh đô thị.

- **Năm 2029:** Hoàn thành việc xây dựng đơn vị Công an phường Thanh Bình, thành phố Điện Biên Phủ điển hình, kiểu mẫu về ANTT và văn minh đô thị.

V. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Công an tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án. Tiếp tục giữ vững các tiêu chí về xây dựng Công an phường đã đạt được; đồng thời xây dựng kế hoạch thực hiện công tác xây dựng lực lượng, tài chính, hậu cần, nhất là đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đào tạo, bồi dưỡng cho Công an phường theo quy định để sớm hoàn thành các tiêu chí theo lộ trình.

- Phối hợp các cấp, các ngành đẩy mạnh công tác tuyên truyền sâu rộng trong Nhân dân về chủ trương xây dựng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về ANTT và văn minh đô thị; mở các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm; triển khai đồng bộ, hiệu quả các biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ và phòng ngừa xã hội; phát động mạnh mẽ phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; tăng cường công tác nắm tình hình, giải quyết kịp thời mâu thuẫn trong nội bộ

nhân dân, không để hình thành “điểm nóng”, phức tạp về ANTT.

- Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc triển khai thực hiện Đề án; tổng hợp và đề xuất điều chỉnh các mục tiêu, nhiệm vụ cho phù hợp với tình hình thực tế; tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức sơ kết, tổng kết theo từng giai đoạn và xác định phương hướng chỉ đạo thực hiện Đề án giai đoạn tiếp theo; đề xuất khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Đề án.

2. Sở Tài chính: Hằng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương để chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh tham mưu cho UBND tỉnh xem xét hỗ trợ kinh phí chi sự nghiệp trong trường hợp thành phố Điện Biên Phủ, thị xã Mường Lay không cân đối được nguồn lực để thực hiện Đề án theo quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ của Đề án theo chức năng, nhiệm vụ.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tổng hợp nhu cầu trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị có liên quan để tham mưu cho UBND tỉnh cân đối, bố trí vốn đầu tư công thực hiện Đề án đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

- Phối hợp với Công an tỉnh tham mưu cho UBND tỉnh bố trí nguồn vốn thực hiện Đề án từ kế hoạch vốn đầu tư công hằng năm của tỉnh.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ để chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, thẩm định hồ sơ đề nghị giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để xây dựng trụ sở Công an phường, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

5. Sở Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an tỉnh, UBND thành phố Điện Biên Phủ, UBND thị xã Mường Lay và các đơn vị liên quan tham mưu đề nghị khảo sát, giới thiệu địa điểm, thẩm định quy hoạch.

6. Các sở, ban, ngành tỉnh: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ chủ động phối hợp với Công an tỉnh thực hiện có hiệu quả Đề án “Xây dựng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về ANTT và văn minh đô thị” trên địa bàn tỉnh.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phối hợp chặt chẽ với các ngành, địa phương có liên quan trong việc tuyên truyền thực hiện Đề án xây dựng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về ANTT và văn minh đô thị; gắn cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” với xây dựng xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT” và không tội phạm, không ma túy. Đồng thời, đẩy

mạnh vận động nhân dân tích cực tham gia đấu tranh, tố giác các loại tội phạm, các hành vi vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội.

8. UBND thành phố Điện Biên Phủ và Thị xã Mường Lay

- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch và đề ra các giải pháp cụ thể, phù hợp với thực tiễn của địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, các mục tiêu, chỉ tiêu cơ bản trong Bộ tiêu chí của Bộ Công an về xây dựng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về ANTT và văn minh đô thị, gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của địa phương; tập trung chỉ đạo công tác kiểm tra quản lý hệ thống chợ, siêu thị, khắc phục tình trạng buôn bán tự phát, lấn chiếm lòng lề đường, vỉa hè, đặt biển báo sai quy định; bảo đảm vệ sinh môi trường, thu gom rác thải, bảo đảm an toàn thực phẩm của người dân và thực hiện tốt công tác phòng, chống cháy, nổ trên địa bàn.

- Bảo đảm kinh phí thực hiện giải phóng mặt bằng đối với các vị trí đất cần phải thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng, bàn giao đất xây dựng trụ sở Công an phường.

- Phối hợp với Sở Xây dựng, Công an tỉnh và các đơn vị liên quan khảo sát, xem xét ưu tiên bố trí quỹ đất, lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất xây dựng trụ sở Công an phường.

- Hằng năm, chủ động cân đối ngân sách địa phương, báo cáo HĐND cùng cấp bố trí ngân sách thực hiện Đề án; chỉ đạo UBND cấp phường báo cáo HĐND cùng cấp bố trí ngân sách thực hiện Đề án.

- Phối hợp với Công an tỉnh tích cực kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả đạt được, những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế để đề xuất điều chỉnh các biện pháp, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế của địa phương./.

PHỤ LỤC 1

Tổng hợp các Tiêu Chí xây dựng Công an phường điển hình kiểu mẫu về ANTT và văn minh đô thị

(Kèm theo Đề án về xây dựng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về ANTT và văn minh đô thị, giai đoạn 2023-2030)

[illegible]

[illegible]

PHỤ LỤC 2

**THỐNG KÊ KINH PHÍ TRANG CẤP VŨ KHÍ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ, THIẾT BỊ KỸ THUẬT,
PHƯƠNG TIỆN CHO CÔNG AN PHƯỜNG (Do nguồn kinh phí Bộ Công an bảo đảm)**

(Kèm theo Đề án về xây dựng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về ANTT và văn minh đô thị, giai đoạn 2023 - 2030)

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Thực lực hiện có	Tiêu chuẩn, định mức	nhu cầu trang bị đảm bảo theo tiêu chuẩn, định mức	Tiền đầu tư, trang bị	Ghi chú
I	Công an phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ						
1	Xe mô tô	Chiếc	2	5	3	Bộ Công an cấp	
2	Xe ô tô tải bảo đảm an ninh, trật tự	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
3	Ca nô (xuồng máy)	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
4	Áo phao	Chiếc	0	40	40	Bộ Công an cấp	
5	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	0	20	20	Bộ Công an cấp	
6	Cửa máy	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
7	Ống nhòm quan sát ban ngày	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
8	Ống nhòm hồng ngoại nhìn đêm	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
9	Tủ sắt bảo quản vũ khí, công cụ hỗ trợ	Chiếc	3	3	0	Bộ Công an cấp	
10	Ghế thảm vân đối tượng	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
11	Hàng rào chữ A	Chiếc	0	6	6	Bộ Công an cấp	
12	Đèn pin	Chiếc	5	15	10	Bộ Công an cấp	
13	Loa pin	Chiếc	1	3	2	Bộ Công an cấp	
14	Tủ bảo quản chống ẩm các thiết bị điện tử, quan học	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
15	Bình xịt đánh dấu hiện trường	Bình	0	4	4	Bộ Công an cấp	
16	Hộp dây phản quang	Hộp	0	5	5	Bộ Công an cấp	
17	Gậy chỉ huy giao thông	Chiếc	0	10,50	10,5	Bộ Công an cấp	
18	Thiết bị cảnh báo (biển báo cấm, cọc tiêu phản quang)	Bộ	0	5	5	Bộ Công an cấp	
19	Camera nghiệp vụ	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
20	Máy ảnh nghiệp vụ	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	

21	Máy phát điện	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
22	Máy đo nồng độ cồn có in kết quả	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
23	Kít test nhanh phát hiện chất ma túy	Bộ	5	5	0	Bộ Công an cấp	
24	Điện thoại cố định	Chiếc	0	5	5	Bộ Công an cấp	
25	Điện thoại di động nghiệp vụ (bao gồm cả sim)	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
26	Bộ đàm cầm tay	Bộ	0	10,50	10,5	Bộ Công an cấp	
27	Máy bộ đàm công suất lớn	Bộ	0	1	1	Bộ Công an cấp	
28	Súng ngắn	khẩu	0	4,5	4,5	Bộ Công an cấp	
29	Súng tiểu liên hoặc súng trường bắn liên thanh	khẩu	0	5	5	Bộ Công an cấp	
30	Súng bắn đạn cao su, đạn cay	khẩu	9	4,5	0	Bộ Công an cấp	
31	Đạn cao su, đạn cay						
	Đạn chiến đấu	Viên/khẩu	15	7,5	0	Bộ Công an cấp	
	Đạn huấn luyện	Viên	107	75	0	Bộ Công an cấp	
32	Đạn chiến đấu						
	Đạn súng ngắn	Viên/khẩu	0	240	240	Bộ Công an cấp	
	Đạn súng tiểu liên hoặc súng trường bắn liên thanh	Viên/khẩu	0	600	600	Bộ Công an cấp	
33	Đạn huấn luyện	Viên	0	150	150	Bộ Công an cấp	
34	Đạn hội thi, hội thao	Viên	0	1875	1875	Bộ Công an cấp	
35	Dùi cui kim loại	chiếc	0	4,5	4,5	Bộ Công an cấp	
36	Gậy nhựa	chiếc	7	15	8	Bộ Công an cấp	
37	Dùi cui cao su	chiếc	10	4,5	0	Bộ Công an cấp	
38	Dùi cui điện	chiếc	9	7,5	0	Bộ Công an cấp	
39	Bình xịt cay dung tích từ 1000ml đến 2000ml	Bình	1	5	4	Bộ Công an cấp	
40	Bình xịt cay dung tích từ 150ml đến 1000ml	Bình	0	5	5	Bộ Công an cấp	
41	Bình xịt cay dung tích từ ≤ 150 ml	Bình	0	7,5	7,5	Bộ Công an cấp	
42	Chất giải cay	Gói	0	20	20	Bộ Công an cấp	

43	Găng tay bắt dao	Đôi	4	4,5	0,5	Bộ Công an cấp	
44	Áo giáp chống đâm	Chiếc	0	4,5	4,5	Bộ Công an cấp	
45	Áo giáp chống đạn các loại	Chiếc	2	7,5	5,5	Bộ Công an cấp	
46	Lá chắn chống va đập	Chiếc	0	10	10	Bộ Công an cấp	
47	Dây trói rút	Chiếc	0	150	150	Bộ Công an cấp	
48	Khóa số tám	Chiếc	10	7,5	0	Bộ Công an cấp	
49	Áo mang công cụ hỗ trợ	Chiếc	0	7,5	7,5	Bộ Công an cấp	
II Công an phường Na Lay, thị xã Mường Lay							
1	Xe mô tô	Chiếc	0	5	5	Bộ Công an cấp	
2	Xe ô tô tải bảo đảm an ninh, trật tự	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
3	Ca nô (xuồng máy)	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
4	Áo phao	Chiếc	0	40	40	Bộ Công an cấp	
5	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	0	20	20	Bộ Công an cấp	
6	Cửa máy	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
7	Ống nhòm quan sát ban ngày	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
8	Ống nhòm hồng ngoại nhìn đêm	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
9	Tủ sắt bảo quản vũ khí, công cụ hỗ trợ	Chiếc	2	3	1	Bộ Công an cấp	
10	Ghế thảm vấn đối tượng	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
11	Hàng rào chữ A	Chiếc	0	6	6	Bộ Công an cấp	
12	Đèn pin	Chiếc	0	15	15	Bộ Công an cấp	
13	Loa pin	Chiếc	0	3	3	Bộ Công an cấp	
14	Tủ bảo quản chống ẩm các thiết bị điện tử, quan học	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
15	Bình xịt đánh dấu hiện trường	Bình	0	4	4	Bộ Công an cấp	
16	Hộp dây phản quang	Hộp	0	5	5	Bộ Công an cấp	
17	Gậy chỉ huy giao thông	Chiếc	0	10,50	10,5	Bộ Công an cấp	
18	Thiết bị cảnh báo (biển báo cấm, cọc tiêu phản quang)	Bộ	0	5	5	Bộ Công an cấp	
19	Camera nghiệp vụ	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
20	Máy ảnh nghiệp vụ	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
21	Máy phát điện	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
22	Máy đo nồng độ cồn có in kết quả	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	

23	Kít test nhanh phát hiện chất ma túy	Bộ	40	5	0	Bộ Công an cấp	
24	Điện thoại cố định	Chiếc	1	5	4	Bộ Công an cấp	
25	Điện thoại di động nghiệp vụ (bao gồm cả sim)	Chiếc	1	1	0	Bộ Công an cấp	
26	Bộ đàm cầm tay	Bộ	0	10,50	10,5	Bộ Công an cấp	
27	Máy bộ đàm công suất lớn	Bộ	0	1	1	Bộ Công an cấp	
28	Súng ngắn	khẩu	0	4,5	4,5	Bộ Công an cấp	
29	Súng tiểu liên hoặc súng trường bắn liên thanh	khẩu	0	5	5	Bộ Công an cấp	
30	Súng bắn đạn cao su, đạn cay	khẩu	6	4,5	0	Bộ Công an cấp	
31	Đạn cao su, đạn cay					Bộ Công an cấp	
	Đạn chiến đấu	Viên/khẩu	10	7,5	0	Bộ Công an cấp	
	Đạn huấn luyện	Viên	14	75	61	Bộ Công an cấp	
32	Đạn chiến đấu					Bộ Công an cấp	
	Đạn súng ngắn	Viên/khẩu	0	240	240	Bộ Công an cấp	
	Đạn súng tiểu liên hoặc súng trường bắn liên thanh	Viên/khẩu	0	600	600	Bộ Công an cấp	
33	Đạn huấn luyện	Viên	0	150	150	Bộ Công an cấp	
34	Đạn hội thi, hội thao	Viên	0	1875	1875	Bộ Công an cấp	
35	Dùi cui kim loại	chiếc	0	4,5	4,5	Bộ Công an cấp	
36	Gậy nhựa	chiếc	0	15	15	Bộ Công an cấp	
37	Dùi cui cao su	chiếc	7	4,5	0	Bộ Công an cấp	
38	Dùi cui điện	chiếc	0	7,5	7,5	Bộ Công an cấp	
39	Bình xịt cay dung tích từ 1000ml đến 2000ml	Bình	0	5	5	Bộ Công an cấp	
40	Bình xịt cay dung tích từ 150ml đến 1000ml	Bình	0	5	5	Bộ Công an cấp	
41	Bình xịt cay dung tích từ ≤ 150 ml	Bình	0	7,5	7,5	Bộ Công an cấp	
42	Chất giải cay	Gói	0	20	20	Bộ Công an cấp	
43	Găng tay bắt dao	Đôi	2	4,5	2,5	Bộ Công an cấp	
44	Áo giáp chống đâm	Chiếc	0	4,5	4,5	Bộ Công an cấp	

45	Áo giáp chống đạn các loại	Chiếc	1	7,5	6,5	Bộ Công an cấp	
46	Lá chắn chống va đập	Chiếc	0	10	10	Bộ Công an cấp	
47	Dây trói rút	Chiếc	0	150	150	Bộ Công an cấp	
48	Khóa số tám	Chiếc	6	7,5	1,5	Bộ Công an cấp	
49	Áo mang công cụ hỗ trợ	Chiếc	0	7,5	7,5	Bộ Công an cấp	
III Công an phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ							
1	Xe mô tô	Chiếc	0	5	5	Bộ Công an cấp	
2	Xe ô tô tải bảo đảm an ninh, trật tự	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
3	Ca nô (xuồng máy)	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
4	Áo phao	Chiếc	0	40	40	Bộ Công an cấp	
5	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	0	20	20	Bộ Công an cấp	
6	Cửa máy	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
7	Ống nhòm quan sát ban ngày	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
8	Ống nhòm hồng ngoại nhìn đêm	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
9	Tủ sắt bảo quản vũ khí, công cụ hỗ trợ	Chiếc	3	3	0	Bộ Công an cấp	
10	Ghế thăm vấn đối tượng	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
11	Hàng rào chữ A	Chiếc	0	6	6	Bộ Công an cấp	
12	Đèn pin	Chiếc	10	15	5	Bộ Công an cấp	
13	Loa pin	Chiếc	1	3	2	Bộ Công an cấp	
14	Tủ bảo quản chống ẩm các thiết bị điện tử, quan học	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
15	Bình xịt đánh dấu hiện trường	Bình	0	4	4	Bộ Công an cấp	
16	Hộp dây phản quang	Hộp	0	5	5	Bộ Công an cấp	
17	Gậy chỉ huy giao thông	Chiếc	0	10,50	10,5	Bộ Công an cấp	
18	Thiết bị cảnh báo (biển báo cấm, cọc tiêu phản quang)	Bộ	0	5	5	Bộ Công an cấp	
19	Camera nghiệp vụ	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
20	Máy ảnh nghiệp vụ	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
21	Máy phát điện	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
22	Máy đo nồng độ cồn có in kết quả	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
23	Kít test nhanh phát hiện chất ma túy	Bộ	0	5	5	Bộ Công an cấp	
24	Điện thoại cố định	Chiếc	0	5	5	Bộ Công an cấp	

25	Điện thoại di động nghiệp vụ (bao gồm cả sim)	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
26	Bộ đàm cầm tay	Bộ	0	10,50	10,5	Bộ Công an cấp	
27	Máy bộ đàm công suất lớn	Bộ	0	1	1	Bộ Công an cấp	
28	Súng ngắn	khẩu	1	4,5	3,5	Bộ Công an cấp	
29	Súng tiểu liên hoặc súng trường bắn liên thanh	khẩu	0	5	5	Bộ Công an cấp	
30	Súng bắn đạn cao su, đạn cay	khẩu	6	4,5	0	Bộ Công an cấp	
31	Đạn cao su, đạn cay					Bộ Công an cấp	
	Đạn chiến đấu	Viên/khẩu	10	7,5	0	Bộ Công an cấp	
	Đạn huấn luyện	Viên	60	75	15	Bộ Công an cấp	
32	Đạn chiến đấu					Bộ Công an cấp	
	Đạn súng ngắn	Viên/khẩu	7	240	233	Bộ Công an cấp	
	Đạn súng tiểu liên hoặc súng trường bắn liên thanh	Viên/khẩu	0	600	600	Bộ Công an cấp	
33	Đạn huấn luyện	Viên	0	150	150	Bộ Công an cấp	
34	Đạn hội thi, hội thao	Viên	0	1875	1875	Bộ Công an cấp	
35	Dùi cui kim loại	chiếc	0	4,5	4,5	Bộ Công an cấp	
36	Gậy nhựa	chiếc	6	15	9	Bộ Công an cấp	
37	Dùi cui cao su	chiếc	15	4,5	0	Bộ Công an cấp	
38	Dùi cui điện	chiếc	9	7,5	0	Bộ Công an cấp	
39	Bình xịt cay dung tích từ 1000ml đến 2000ml	Bình	1	5	4	Bộ Công an cấp	
40	Bình xịt cay dung tích từ 150ml đến 1000ml	Bình	0	5	5	Bộ Công an cấp	
41	Bình xịt cay dung tích từ ≤ 150 ml	Bình	0	7,5	7,5	Bộ Công an cấp	
42	Chất giải cay	Gói	0	20	20	Bộ Công an cấp	
43	Găng tay bắt dao	Đôi	4	4,5	0,5	Bộ Công an cấp	
44	Áo giáp chống đâm	Chiếc	0	4,5	4,5	Bộ Công an cấp	
45	Áo giáp chống đạn các loại	Chiếc	1	7,5	6,5	Bộ Công an cấp	
46	Lá chắn chống va đập	Chiếc	2	10	8	Bộ Công an cấp	

47	Dây trói rút	Chiếc	0	150	150	Bộ Công an cấp	
48	Khóa số tám	Chiếc	9	7,5	0	Bộ Công an cấp	
49	Áo mang công cụ hỗ trợ	Chiếc	0	7,5	7,5	Bộ Công an cấp	
IV Công an phường Sông Đà, thị xã Mường Lay							
1	Xe mô tô	Chiếc	0	5	5	Bộ Công an cấp	
2	Xe ô tô tải bảo đảm an ninh, trật tự	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
3	Ca nô (xuồng máy)	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
4	Áo phao	Chiếc	2	40	38	Bộ Công an cấp	
5	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	0	20	20	Bộ Công an cấp	
6	Cửa máy	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
7	Ống nhôm quan sát ban ngày	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
8	Ống nhôm hồng ngoại nhìn đêm	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
9	Tủ sắt bảo quản vũ khí, công cụ hỗ trợ	Chiếc	0	3	3	Bộ Công an cấp	
10	Ghế thăm vấn đối tượng	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
11	Hàng rào chữ A	Chiếc	0	6	6	Bộ Công an cấp	
12	Đèn pin	Chiếc	0	15	15	Bộ Công an cấp	
13	Loa pin	Chiếc	0	3	3	Bộ Công an cấp	
14	Tủ bảo quản chống ẩm các thiết bị điện tử, quan học	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
15	Bình xịt đánh dấu hiện trường	Bình	0	4	4	Bộ Công an cấp	
16	Hộp dây phản quang	Hộp	0	5	5	Bộ Công an cấp	
17	Gậy chỉ huy giao thông	Chiếc	0	10,50	10,5	Bộ Công an cấp	
18	Thiết bị cảnh báo (biển báo cấm, cọc tiêu phản quang)	Bộ	0	5	5	Bộ Công an cấp	
19	Camera nghiệp vụ	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
20	Máy ảnh nghiệp vụ	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
21	Máy phát điện	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
22	Máy đo nồng độ cồn có in kết quả	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
23	Kít test nhanh phát hiện chất ma túy	Bộ	0	5	5	Bộ Công an cấp	
24	Điện thoại cố định	Chiếc	1	5	4	Bộ Công an cấp	
25	Điện thoại di động nghiệp vụ (bao gồm cả sim)	Chiếc	1	1	0	Bộ Công an cấp	

26	Bộ đàm cầm tay	Bộ	0	10,50	10,5	Bộ Công an cấp	
27	Máy bộ đàm công suất lớn	Bộ	0	1	1	Bộ Công an cấp	
28	Súng ngắn	khẩu	0	4,5	4,5	Bộ Công an cấp	
29	Súng tiêu liên hoặc súng trường bắn liên thanh	khẩu	0	5	5	Bộ Công an cấp	
30	Súng bắn đạn cao su, đạn cay	khẩu	2	4,5	2,5	Bộ Công an cấp	
31	Đạn cao su, đạn cay		0			Bộ Công an cấp	
	Đạn chiến đấu	Viên/khẩu	8	7,5	0	Bộ Công an cấp	
	Đạn huấn luyện	Viên	12	75	63	Bộ Công an cấp	
32	Đạn chiến đấu		0			Bộ Công an cấp	
	Đạn súng ngắn	Viên/khẩu	0	240	240	Bộ Công an cấp	
	Đạn súng tiêu liên hoặc súng trường bắn liên thanh	Viên/khẩu	0	600	600	Bộ Công an cấp	
33	Đạn huấn luyện	Viên	0	150	150	Bộ Công an cấp	
34	Đạn hội thi, hội thao	Viên	0	1875	1875	Bộ Công an cấp	
35	Dùi cui kim loại	chiếc	0	4,5	4,5	Bộ Công an cấp	
36	Gậy nhựa	chiếc	2	15	13	Bộ Công an cấp	
37	Dùi cui cao su	chiếc	3	4,5	1,5	Bộ Công an cấp	
38	Dùi cui điện	chiếc	0	7,5	7,5	Bộ Công an cấp	
39	Bình xịt cay dung tích từ 1000ml đến 2000ml	Bình	0	5	5	Bộ Công an cấp	
40	Bình xịt cay dung tích từ 150ml đến 1000ml	Bình	0	5	5	Bộ Công an cấp	
41	Bình xịt cay dung tích từ ≤ 150 ml	Bình	0	7,5	7,5	Bộ Công an cấp	
42	Chất giải cay	Gói	0	20	20	Bộ Công an cấp	
43	Găng tay bắt dao	Đôi	1	4,5	3,5	Bộ Công an cấp	
44	Áo giáp chống đâm	Chiếc	0	4,5	4,5	Bộ Công an cấp	
45	Áo giáp chống đạn các loại	Chiếc	1	7,5	6,5	Bộ Công an cấp	
46	Lá chắn chống va đập	Chiếc	0	10	10	Bộ Công an cấp	
47	Dây trói rút	Chiếc	0	150	150	Bộ Công an cấp	
48	Khóa số tám	Chiếc	4	7,5	3,5	Bộ Công an cấp	
49	Áo mang công cụ hỗ trợ	Chiếc	0	7,5	7,5	Bộ Công an cấp	

V	Công an phường Thanh Trường, thành phố Điện Biên Phủ						
1	Xe mô tô	Chiếc	1	5	4	Bộ Công an cấp	
2	Xe ô tô tải bảo đảm an ninh, trật tự	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
3	Ca nô (xuồng máy)	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
4	Áo phao	Chiếc	0	40	40	Bộ Công an cấp	
5	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	0	20	20	Bộ Công an cấp	
6	Cửa máy	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
7	Ống nhòm quan sát ban ngày	Chiếc	1	1	0	Bộ Công an cấp	
8	Ống nhòm hồng ngoại nhìn đêm	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
9	Tủ sắt bảo quản vũ khí, công cụ hỗ trợ	Chiếc	4	3	0	Bộ Công an cấp	
10	Ghế thăm vấn đối tượng	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
11	Hàng rào chữ A	Chiếc	0	6	6	Bộ Công an cấp	
12	Đèn pin	Chiếc	9	15	6	Bộ Công an cấp	
13	Loa pin	Chiếc	1	3	2	Bộ Công an cấp	
14	Tủ bảo quản chống ẩm các thiết bị điện tử, quan học	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
15	Bình xịt đánh dấu hiện trường	Bình	0	4	4	Bộ Công an cấp	
16	Hộp dây phản quang	Hộp	0	5	5	Bộ Công an cấp	
17	Gậy chỉ huy giao thông	Chiếc	0	10,50	10,5	Bộ Công an cấp	
18	Thiết bị cảnh báo (biển báo cấm, cọc tiêu phản quang)	Bộ	0	5	5	Bộ Công an cấp	
19	Camera nghiệp vụ	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
20	Máy ảnh nghiệp vụ	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
21	Máy phát điện	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
22	Máy đo nồng độ cồn có in kết quả	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
23	Kít test nhanh phát hiện chất ma túy	Bộ	61	5	0	Bộ Công an cấp	
24	Điện thoại cố định	Chiếc	0	5	5	Bộ Công an cấp	
25	Điện thoại di động nghiệp vụ (bao gồm cả sim)	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
26	Bộ đàm cầm tay	Bộ	0	10,50	10,5	Bộ Công an cấp	
27	Máy bộ đàm công suất lớn	Bộ	0	1	1	Bộ Công an cấp	
28	Súng ngắn	khẩu	1	4,5	3,5	Bộ Công an cấp	

29	Súng tiểu liên hoặc súng trường bắn liên thanh	khẩu	0	5	5	Bộ Công an cấp	
30	Súng bắn đạn cao su, đạn cay	khẩu	9	4,5	0	Bộ Công an cấp	
31	Đạn cao su, đạn cay					Bộ Công an cấp	
	Đạn chiến đấu	Viên/khẩu	8	7,5	0	Bộ Công an cấp	
	Đạn huấn luyện	Viên	108	75	0	Bộ Công an cấp	
32	Đạn chiến đấu					Bộ Công an cấp	
	Đạn súng ngắn	Viên/khẩu	4	240	236	Bộ Công an cấp	
	Đạn súng tiểu liên hoặc súng trường bắn liên thanh	Viên/khẩu	0	600	600	Bộ Công an cấp	
33	Đạn huấn luyện	Viên	0	150	150	Bộ Công an cấp	
34	Đạn hội thi, hội thao	Viên	0	1875	1875	Bộ Công an cấp	
35	Dùi cui kim loại	chiếc	0	4,5	4,5	Bộ Công an cấp	
36	Gậy nhựa	chiếc	7	15	8	Bộ Công an cấp	
37	Dùi cui cao su	chiếc	16	4,5	0	Bộ Công an cấp	
38	Dùi cui điện	chiếc	7	7,5	0,5	Bộ Công an cấp	
39	Bình xịt cay dung tích từ 1000ml đến 2000ml	Bình	1	5	4	Bộ Công an cấp	
40	Bình xịt cay dung tích từ 150ml đến 1000ml	Bình	0	5	5	Bộ Công an cấp	
41	Bình xịt cay dung tích từ ≤ 150 ml	Bình	0	7,5	7,5	Bộ Công an cấp	
42	Chất giải cay	Gói	0	20	20	Bộ Công an cấp	
43	Găng tay bắt dao	Đôi	3	4,5	1,5	Bộ Công an cấp	
44	Áo giáp chống đâm	Chiếc	0	4,5	4,5	Bộ Công an cấp	
45	Áo giáp chống đạn các loại	Chiếc	1	7,5	6,5	Bộ Công an cấp	
46	Lá chắn chống va đập	Chiếc	2	10	8	Bộ Công an cấp	
47	Dây trói rút	Chiếc	0	150	150	Bộ Công an cấp	
48	Khóa số tám	Chiếc	9	7,5	0	Bộ Công an cấp	
49	Áo mang công cụ hỗ trợ	Chiếc	0	7,5	7,5	Bộ Công an cấp	
VI	Công an phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ						
1	Xe mô tô	Chiếc	1	5	4	Bộ Công an cấp	
2	Xe ô tô tải bảo đảm an ninh, trật tự	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	

3	Ca nô (xuồng máy)	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
4	Áo phao	Chiếc	0	40	40	Bộ Công an cấp	
5	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	0	20	20	Bộ Công an cấp	
6	Cửa máy	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
7	Ống nhòm quan sát ban ngày	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
8	Ống nhòm hồng ngoại nhìn đêm	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
9	Tủ sắt bảo quản vũ khí, công cụ hỗ trợ	Chiếc	4	3	0	Bộ Công an cấp	
10	Ghế thảm vấn đôi tượng	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
11	Hàng rào chữ A	Chiếc	0	6	6	Bộ Công an cấp	
12	Đèn pin	Chiếc	7	15	8	Bộ Công an cấp	
13	Loa pin	Chiếc	3	3	0	Bộ Công an cấp	
14	Tủ bảo quản chống ẩm các thiết bị điện tử, quan học	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
15	Bình xịt đánh dấu hiện trường	Bình	0	4	4	Bộ Công an cấp	
16	Hộp dây phản quang	Hộp	0	5	5	Bộ Công an cấp	
17	Gậy chỉ huy giao thông	Chiếc	2	10,50	8,5	Bộ Công an cấp	
18	Thiết bị cảnh báo (biển báo cấm, cọc tiêu phản quang)	Bộ	0	5	5	Bộ Công an cấp	
19	Camera nghiệp vụ	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
20	Máy ảnh nghiệp vụ	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
21	Máy phát điện	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
22	Máy đo nồng độ cồn có in kết quả	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
23	Kít test nhanh phát hiện chất ma túy	Bộ	0	5	5	Bộ Công an cấp	
24	Điện thoại cố định	Chiếc	0	5	5	Bộ Công an cấp	
25	Điện thoại di động nghiệp vụ (bao gồm cả sim)	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
26	Bộ đàm cầm tay	Bộ	0	10,50	10,5	Bộ Công an cấp	
27	Máy bộ đàm công suất lớn	Bộ	0	1	1	Bộ Công an cấp	
28	Súng ngắn	khẩu	0	4,5	4,5	Bộ Công an cấp	
29	Súng tiểu liên hoặc súng trường bắn liên thanh	khẩu	0	5	5	Bộ Công an cấp	
30	Súng bắn đạn cao su, đạn cay	khẩu	8	4,5	0	Bộ Công an cấp	

31	Dạn cao su, dạn cay		0			Bộ Công an cấp	
	Dạn chiến đấu	Viên/khẩu	10	7,5	0	Bộ Công an cấp	
	Dạn huấn luyện	Viên	94	75	0	Bộ Công an cấp	
32	Dạn chiến đấu					Bộ Công an cấp	
	Dạn súng ngắn	Viên/khẩu	0	240	240	Bộ Công an cấp	
	Dạn súng tiêu liên hoặc súng trường bắn liên thanh	Viên/khẩu	0	600	600	Bộ Công an cấp	
33	Dạn huấn luyện	Viên	0	150	150	Bộ Công an cấp	
34	Dạn hội thi, hội thao	Viên	0	1875	1875	Bộ Công an cấp	
35	Dùi cui kim loại	chiếc	0	4,5	4,5	Bộ Công an cấp	
36	Gậy nhựa	chiếc	8	15	7	Bộ Công an cấp	
37	Dùi cui cao su	chiếc	13	4,5	0	Bộ Công an cấp	
38	Dùi cui điện	chiếc	7	7,5	0,5	Bộ Công an cấp	
39	Bình xịt cay dung tích từ 1000ml đến 2000ml	Bình	1	5	4	Bộ Công an cấp	
40	Bình xịt cay dung tích từ 150ml đến 1000ml	Bình	0	5	5	Bộ Công an cấp	
41	Bình xịt cay dung tích từ ≤ 150 ml	Bình	0	7,5	7,5	Bộ Công an cấp	
42	Chất giải cay	Gói	0	20	20	Bộ Công an cấp	
43	Găng tay bắt dao	Đôi	5	4,5	0	Bộ Công an cấp	
44	Áo giáp chống đâm	Chiếc	0	4,5	4,5	Bộ Công an cấp	
45	Áo giáp chống đạn các loại	Chiếc	2	7,5	5,5	Bộ Công an cấp	
46	Lá chắn chống va đập	Chiếc	0	10	10	Bộ Công an cấp	
47	Dây trói rút	Chiếc	0	150	150	Bộ Công an cấp	
48	Khóa số tám	Chiếc	9	7,5	0	Bộ Công an cấp	
49	Áo mang công cụ hỗ trợ	Chiếc	0	7,5	7,5	Bộ Công an cấp	
VII Công an phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ							
1	Xe mô tô	Chiếc	0	5	5	Bộ Công an cấp	
2	Xe ô tô tải bảo đảm an ninh, trật tự	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
3	Ca nô (xuồng máy)	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
4	Áo phao	Chiếc	0	40	40	Bộ Công an cấp	
5	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	0	20	20	Bộ Công an cấp	

6	Cửa máy	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp
7	Ống nhòm quan sát ban ngày	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp
8	Ống nhòm hồng ngoại nhìn đêm	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp
9	Tủ sắt bảo quản vũ khí, công cụ hỗ trợ	Chiếc	4	3	0	Bộ Công an cấp
10	Ghế thảm vấn đối tượng	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp
11	Hàng rào chữ A	Chiếc	0	6	6	Bộ Công an cấp
12	Đèn pin	Chiếc	11	15	4	Bộ Công an cấp
13	Loa pin	Chiếc	1	3	2	Bộ Công an cấp
14	Tủ bảo quản chống ẩm các thiết bị điện tử, quan học	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp
15	Bình xịt đánh dấu hiện trường	Bình	0	4	4	Bộ Công an cấp
16	Hộp dây phản quang	Hộp	0	5	5	Bộ Công an cấp
17	Gậy chỉ huy giao thông	Chiếc	0	10,50	10,5	Bộ Công an cấp
18	Thiết bị cảnh báo (biển báo cấm, cọc tiêu phản quang)	Bộ	0	5	5	Bộ Công an cấp
19	Camera nghiệp vụ	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp
20	Máy ảnh nghiệp vụ	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp
21	Máy phát điện	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp
22	Máy đo nồng độ cồn có in kết quả	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp
23	Kít test nhanh phát hiện chất ma túy	Bộ	0	5	5	Bộ Công an cấp
24	Điện thoại cố định	Chiếc	0	5	5	Bộ Công an cấp
25	Điện thoại di động nghiệp vụ (bao gồm cả sim)	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp
26	Bộ đàm cầm tay	Bộ	0	10,50	10,5	Bộ Công an cấp
27	Máy bộ đàm công suất lớn	Bộ	0	1	1	Bộ Công an cấp
28	Súng ngắn	khẩu	0	4,5	4,5	Bộ Công an cấp
29	Súng tiểu liên hoặc súng trường bắn liên thanh	khẩu	0	5	5	Bộ Công an cấp
30	Súng bắn đạn cao su, đạn cay	khẩu	6	4,5	0	Bộ Công an cấp
31	Đạn cao su, đạn cay					Bộ Công an cấp
	Đạn chiến đấu	Viên/khẩu	10	7,5	0	Bộ Công an cấp
	Đạn huấn luyện	Viên	60	75	15	Bộ Công an cấp

32	Dạn chiến đấu		0			Bộ Công an cấp	
	Dạn súng ngắn	Viên/khẩu	0	240	240	Bộ Công an cấp	
	Dạn súng tiêu liên hoặc súng trường bắn liên thanh	Viên/khẩu	0	600	600	Bộ Công an cấp	
33	Dạn huấn luyện	Viên	0	150	150	Bộ Công an cấp	
34	Dạn hội thi, hội thao	Viên	0	1875	1875	Bộ Công an cấp	
35	Dùi cui kim loại	chiếc	0	4,5	4,5	Bộ Công an cấp	
36	Gậy nhựa	chiếc	7	15	8	Bộ Công an cấp	
37	Dùi cui cao su	chiếc	12	4,5	0	Bộ Công an cấp	
38	Dùi cui điện	chiếc	7	7,5	0,5	Bộ Công an cấp	
39	Bình xịt cay dung tích từ 1000ml đến 2000ml	Bình	1	5	4	Bộ Công an cấp	
40	Bình xịt cay dung tích từ 150ml đến 1000ml	Bình	0	5	5	Bộ Công an cấp	
41	Bình xịt cay dung tích từ ≤ 150 ml	Bình	0	7,5	7,5	Bộ Công an cấp	
42	Chất giải cay	Gói	0	20	20	Bộ Công an cấp	
43	Găng tay bắt dao	Đôi	3	4,5	1,5	Bộ Công an cấp	
44	Áo giáp chống đâm	Chiếc	0	4,5	4,5	Bộ Công an cấp	
45	Áo giáp chống đạn các loại	Chiếc	1	7,5	6,5	Bộ Công an cấp	
46	Lá chắn chống va đập	Chiếc	2	10	8	Bộ Công an cấp	
47	Dây trói rút	Chiếc	0	150	150	Bộ Công an cấp	
48	Khóa số tám	Chiếc	6	7,5	1,5	Bộ Công an cấp	
49	Áo mang công cụ hỗ trợ	Chiếc	0	7,5	7,5	Bộ Công an cấp	

VIII Công an phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ

1	Xe mô tô	Chiếc	1	5	4	Bộ Công an cấp	
2	Xe ô tô tải bảo đảm an ninh, trật tự	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
3	Cà nô (xuồng máy)	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
4	Áo phao	Chiếc	0	40	40	Bộ Công an cấp	
5	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	0	20	20	Bộ Công an cấp	
6	Cửa máy	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
7	Ống nhòm quan sát ban ngày	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
8	Ống nhòm hồng ngoại nhìn đêm	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	

9	Tủ sắt bảo quản vũ khí, công cụ hỗ trợ	Chiếc	4	3	0	Bộ Công an cấp	
10	Ghế thăm vấn đối tượng	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
11	Hàng rào chữ A	Chiếc	0	6	6	Bộ Công an cấp	
12	Đèn pin	Chiếc	7	15	8	Bộ Công an cấp	
13	Loa pin	Chiếc	3	3	0	Bộ Công an cấp	
14	Tủ bảo quản chống ẩm các thiết bị điện tử, quan học	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
15	Bình xịt đánh dấu hiện trường	Bình	0	4	4	Bộ Công an cấp	
16	Hộp dây phản quang	Hộp	0	5	5	Bộ Công an cấp	
17	Gậy chỉ huy giao thông	Chiếc	2	10,50	8,5	Bộ Công an cấp	
18	Thiết bị cảnh báo (biển báo cấm, cọc tiêu phản quang)	Bộ	0	5	5	Bộ Công an cấp	
19	Camera nghiệp vụ	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
20	Máy ảnh nghiệp vụ	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
21	Máy phát điện	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
22	Máy đo nồng độ cồn có in kết quả	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
23	Kít test nhanh phát hiện chất ma túy	Bộ	0	5	5	Bộ Công an cấp	
24	Điện thoại cố định	Chiếc	0	5	5	Bộ Công an cấp	
25	Điện thoại di động nghiệp vụ (bao gồm cả sim)	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
26	Bộ đàm cầm tay	Bộ	0	10,50	10,5	Bộ Công an cấp	
27	Máy bộ đàm công suất lớn	Bộ	0	1	1	Bộ Công an cấp	
28	Súng ngắn	khẩu	0	4,5	4,5	Bộ Công an cấp	
29	Súng tiểu liên hoặc súng trường bắn liên thanh	khẩu	0	5	5	Bộ Công an cấp	
30	Súng bắn đạn cao su, đạn cay	khẩu	6	4,5	0	Bộ Công an cấp	
31	Đạn cao su, đạn cay					Bộ Công an cấp	
	Đạn chiến đấu	Viên/khẩu	10	7,5	0	Bộ Công an cấp	
	Đạn huấn luyện	Viên	60	75	15	Bộ Công an cấp	

32	Dạn chiến đấu		0			Bộ Công an cấp	
	Dạn súng ngắn	Viên/khẩu	0	240	240	Bộ Công an cấp	
	Dạng súng tiêu liên hoặc súng trường bắn liên thanh	Viên/khẩu	0	600	600	Bộ Công an cấp	
33	Dạn huấn luyện	Viên	0	150	150	Bộ Công an cấp	
34	Dạn hội thi, hội thao	Viên	0	1875	1875	Bộ Công an cấp	
35	Dùi cui kim loại	chiếc	0	4,5	4,5	Bộ Công an cấp	
36	Gậy nhựa	chiếc	9	15	6	Bộ Công an cấp	
37	Dùi cui cao su	chiếc	16	4,5	0	Bộ Công an cấp	
38	Dùi cui điện	chiếc	11	7,5	0	Bộ Công an cấp	
39	Bình xịt cay dung tích từ 1000ml đến 2000ml	Bình	1	5	4	Bộ Công an cấp	
40	Bình xịt cay dung tích từ 150ml đến 1000ml	Bình	0	5	5	Bộ Công an cấp	
41	Bình xịt cay dung tích từ ≤ 150 ml	Bình	0	7,5	7,5	Bộ Công an cấp	
42	Chất giải cay	Gói	0	20	20	Bộ Công an cấp	
43	Găng tay bắt dao	Đôi	4	4,5	0,5	Bộ Công an cấp	
44	Áo giáp chống đâm	Chiếc	0	4,5	4,5	Bộ Công an cấp	
45	Áo giáp chống đạn các loại	Chiếc	1	7,5	6,5	Bộ Công an cấp	
46	Lá chắn chống va đập	Chiếc	2	10	8	Bộ Công an cấp	
47	Dây trói rút	Chiếc	0	150	150	Bộ Công an cấp	
48	Khóa số tám	Chiếc	8	7,5	0	Bộ Công an cấp	
49	Áo mang công cụ hỗ trợ	Chiếc	0	7,5	7,5	Bộ Công an cấp	
IX	Công an phường Thanh Bình, thành phố Điện Biên Phủ						
1	Xe mô tô	Chiếc	0	5	5	Bộ Công an cấp	
2	Xe ô tô tải bảo đảm an ninh, trật tự	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
3	Ca nô (xuồng máy)	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
4	Áo phao	Chiếc	0	40	40	Bộ Công an cấp	
5	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	0	20	20	Bộ Công an cấp	
6	Cửa máy	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
7	Ống nhòm quan sát ban ngày	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	
8	Ống nhòm hồng ngoại nhìn đêm	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp	

9	Tủ sắt bảo quản vũ khí, công cụ hỗ trợ	Chiếc	3	3	0	Bộ Công an cấp
10	Ghế thăm vấn đối tượng	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp
11	Hàng rào chữ A	Chiếc	0	6	6	Bộ Công an cấp
12	Đèn pin	Chiếc	5	15	10	Bộ Công an cấp
13	Loa pin	Chiếc	2	3	1	Bộ Công an cấp
14	Tủ bảo quản chống ẩm các thiết bị điện tử, quan học	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp
15	Bình xịt đánh dấu hiện trường	Bình	0	4	4	Bộ Công an cấp
16	Hộp dây phản quang	Hộp	0	5	5	Bộ Công an cấp
17	Gậy chỉ huy giao thông	Chiếc	2	10,50	8,5	Bộ Công an cấp
18	Thiết bị cảnh báo (biển báo cấm, cọc tiêu phản quang)	Bộ	0	5	5	Bộ Công an cấp
19	Camera nghiệp vụ	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp
20	Máy ảnh nghiệp vụ	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp
21	Máy phát điện	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp
22	Máy đo nồng độ cồn có in kết quả	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp
23	Kít test nhanh phát hiện chất ma túy	Bộ	0	5	5	Bộ Công an cấp
24	Điện thoại cố định	Chiếc	0	5	5	Bộ Công an cấp
25	Điện thoại di động nghiệp vụ (bao gồm cả sim)	Chiếc	0	1	1	Bộ Công an cấp
26	Bộ đàm cầm tay	Bộ	0	10,50	10,5	Bộ Công an cấp
27	Máy bộ đàm công suất lớn	Bộ	0	1	1	Bộ Công an cấp
28	Súng ngắn	khẩu	0	4,5	4,5	Bộ Công an cấp
29	Súng tiêu liên hoặc súng trường bắn liên thanh	khẩu	0	5	5	Bộ Công an cấp
30	Súng bắn đạn cao su, đạn cay	khẩu	8	4,5	0	Bộ Công an cấp
31	Đạn cao su, đạn cay					Bộ Công an cấp
	Đạn chiến đấu	Viên/khẩu	15	7,5	0	Bộ Công an cấp
	Đạn huấn luyện	Viên	87	75	0	Bộ Công an cấp
32	Đạn chiến đấu		0			Bộ Công an cấp
	Đạn súng ngắn	Viên/khẩu	0	240	240	Bộ Công an cấp
	Đạn súng tiêu liên hoặc súng trường bắn liên thanh	Viên/khẩu	0	600	600	Bộ Công an cấp

33	Đạn huấn luyện	Viên	0	150	150	Bộ Công an cấp	
34	Đạn hội thi, hội thao	Viên	0	1875	1875	Bộ Công an cấp	
35	Dùi cui kim loại	chiếc	0	4,5	4,5	Bộ Công an cấp	
36	Gậy nhựa	chiếc	7	15	8	Bộ Công an cấp	
37	Dùi cui cao su	chiếc	9	4,5	0	Bộ Công an cấp	
38	Dùi cui điện	chiếc	6	7,5	1,5	Bộ Công an cấp	
39	Bình xịt cay dung tích từ 1000ml đến 2000ml	Bình	1	5	4	Bộ Công an cấp	
40	Bình xịt cay dung tích từ 150ml đến 1000ml	Bình	0	5	5	Bộ Công an cấp	
41	Bình xịt cay dung tích từ ≤ 150 ml	Bình	0	7,5	7,5	Bộ Công an cấp	
42	Chất giải cay	Gói	0	20	20	Bộ Công an cấp	
43	Găng tay bắt dao	Đôi	4	4,5	0,5	Bộ Công an cấp	
44	Áo giáp chống đâm	Chiếc	0	4,5	4,5	Bộ Công an cấp	
45	Áo giáp chống đạn các loại	Chiếc	2	7,5	5,5	Bộ Công an cấp	
46	Lá chắn chống va đập	Chiếc	2	10	8	Bộ Công an cấp	
47	Dây trói rút	Chiếc	0	150	150	Bộ Công an cấp	
48	Khóa số tám	Chiếc	9	7,5	0	Bộ Công an cấp	
49	Áo mang công cụ hỗ trợ	Chiếc	0	7,5	7,5	Bộ Công an cấp	

PHỤ LỤC 3
THỐNG KÊ KINH PHÍ XÂY DỰNG MỚI TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CÔNG AN PHƯỜNG MƯỜNG THANH VÀ CÔNG AN PHƯỜNG NOONG BUA

(Kèm theo Đề án của về xây dựng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về ANTT và văn minh đô thị, giai đoạn 2023 - 2030)

1. Công an phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ (Chưa có trụ sở, nhu cầu đầu tư xây mới)

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Định mức	Hệ số	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
1	Chi phí phá dỡ công trình cũ	Ggpmb			Tạm tính	300.000.000		300.000.000
2	Chi phí xây dựng	Gcpxd			(Dự toán)	6.723.886.364	672.388.636	7.396.275.000
3	Chi phí thiết bị	Gtb			(Dự toán thiết bị)	0	0	0
4	Chi phí quản lý dự án	Gqlđa	3,446 %		Tỷ lệ x (Gcpxd+Gcptb)	231.705.124		231.705.124
5	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	Gtv			Gtv1 : Gtv12	826.164.238	82.616.424	901.384.387
5.1	Chi phí khảo sát địa hình, lập nhiệm vụ khảo sát, cắm cọc giải phóng mặt bằng	Gtv1			Theo hợp đồng	28.722.727	2.872.273	31.595.000
5.2	Chi phí khảo sát địa chất	Gtv9			(Dự toán khảo sát)	206.662.727	20.666.273	227.329.000
5.3	Chi phí giám sát khảo sát	Gtv10	4,072 %		Tỷ lệ xGks	8.415.306	841.531	9.256.837
5.4	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	Gtv2	4,235 %		Tỷ lệ x(Gcpxd+Gtb)	284.723.923	28.472.392	313.196.315
5.5	Chi phí thẩm tra thiết kế (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	Gtv6	0,258 %	1,20	Tỷ lệ x Gcpxd	20.817.152	2.081.715	22.898.867
5.6	Chi phí thẩm tra dự toán (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	Gtv7	0,25 %	1,20	Tỷ lệ x Gcpxd	20.171.659	2.017.166	22.188.825

5.7	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu thi công xây dựng (Thông tư	Gtv8	0,432 %		Tỷ lệ x Gcp _{xd}	29.047.189	2.904.719	31.951.908
5.8	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu mua sắm thiết bị (Thông tư	Gtv9	0,376 %		Tỷ lệ x Gtb	0	0	0
5.9	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu gói thầu thi công xây dựng và thiết bị (Nghị định	Gtv10	0,05 %		Tỷ lệ x (Gcp _{xd} +Gtb)	3.361.943	336.194	0
5.10	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu thi công xây dựng (Nghị định 63/2014/NĐ-	Gtv11	0,05 %		Tỷ lệ x (Gcp _{xd} +Gtb)	3.361.943	336.194	0
5.11	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	Gtv12	3,285 %		Tỷ lệ x Gcp _{xd}	220.879.667	22.087.967	242.967.634
5.12	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	Gtv13	0,844 %		Tỷ lệ x Gtb	0	0	0
6	Chi phí khác	Gk			Gk1 : Gk4	95.244.105	739.628	95.983.732
6.1	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Thông tư 209/2016/TT-BTC)	Gk1	0,019 %		Tỷ lệ x Gtm _{đt}	1.865.398		1.865.398
6.2	Chi phí kiểm tra, nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng	Gk5	10, %		Tỷ lệ x Gcp _{gs}	22.087.967		22.087.967
6.3	Phí bảo hiểm công trình (Phụ lục 7 - Thông tư 329/2016/TT-BTC)	Gk6	0,11 %		Tỷ lệ x Gcp _{xd}	7.396.275	739.628	8.135.903
6.4	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán (Nghị định 99/2021/NĐ-CP)	Gk7	0,651 %	1,00	Tỷ lệ x Gtm _{đt}	63.894.465		63.894.465
7	Chi phí dự phòng	Gdp	10,0 %					892.534.824
	TỔNG CỘNG	Gtm_{đt}						9.817.883.067

(Chín tỷ tám trăm mười bảy triệu tám trăm tám mươi ba nghìn không trăm sáu mươi bảy đồng)

2. Công an phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ

(hiện nằm trong diện quy hoạch thuộc diện phải di dời, nhu cầu đầu tư xây mới)

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Tỷ lệ	Hệ số	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
1	Chi phí đền bù, GPMB	Ggpmb			Tạm tính	500.000.000		500.000.000
2	Chi phí xây dựng	Gcpdx			(Dự toán)	9.181.583.636	918.158.364	10.099.742.000
3	Chi phí thiết bị	Gtb			(Dự toán thiết bị)	0	0	0
4	Chi phí quản lý dự án	Gqla	3,446 %		Tỷ lệ x (Gcpdx+Gcptb)	316.397.372		316.397.372
5	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	Gtv			Gtv1 : Gtv12	1.042.594.283	104.259.428	1.136.753.969
5.1	Chi phí khảo sát địa hình, lập nhiệm vụ khảo sát, cắm cọc giải phóng mặt bằng	Gtv1			Theo hợp đồng	30.763.636	3.076.364	33.840.000
5.2	Chi phí khảo sát địa chất	Gtv9			(Dự toán khảo sát)	225.608.182	22.560.818	248.169.000
5.3	Chi phí giám sát khảo sát	Gtv10	4,072 %		Tỷ lệ xGks	9.186.765	918.677	10.105.442
5.4	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	Gtv2	4,036 %		Tỷ lệ x(Gcpdx+Gtb)	370.603.718	37.060.372	407.664.090
5.5	Chi phí thẩm tra thiết kế (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	Gtv6	0,258 %	1,20	Tỷ lệ x Gcpdx	28.426.183	2.842.618	31.268.801
5.6	Chi phí thẩm tra dự toán (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	Gtv7	0,25 %	1,20	Tỷ lệ x Gcpdx	27.544.751	2.754.475	30.299.226
5.7	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu thi công xây dựng (Thông tư	Gtv8	0,432 %		Tỷ lệ x Gcpdx	39.664.441	3.966.444	43.630.885
5.8	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu mua sắm thiết bị (Thông tư	Gtv9	0,376 %		Tỷ lệ x Gtb	0	0	0
5.9	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu gói thầu thi công xây dựng và thiết bị (Nghị định	Gtv10	0,05 %		Tỷ lệ x (Gcpdx+Gtb)	4.590.792	459.079	0

5.10	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu thi công xây dựng (Nghị định 63/2014/NĐ-TP)	Gtv11	0,05 %		Tỷ lệ x (Gcpxd+Gtb)	4.590.792	459.079	0
5.11	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	Gtv12	3,285 %		Tỷ lệ x Gcpxd	301.615.022	30.161.502	331.776.525
5.12	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	Gtv13	0,844 %		Tỷ lệ x Gtb	0	0	0
6	Chi phí khác	Gk			Gk1 : Gk4	127.913.988	1.009.974	128.923.963
6.1	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Thông tư 209/2016/TT-BTC)	Gk1	0,019 %		Tỷ lệ x Gtmdt	2.546.000		2.546.000
6.2	Chi phí kiểm tra, nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng	Gk5	10, %		Tỷ lệ x Gcpgs	30.161.502		30.161.502
6.3	Phí bảo hiểm công trình (Phụ lục 7 - Thông tư 329/2016/TT-BTC)	Gk6	0,11 %		Tỷ lệ x Gcpxd	10.099.742	1.009.974	11.109.716
6.4	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán (Nghị định 99/2021/NĐ-CP)	Gk7	0,635 %	1,00	Tỷ lệ x Gtmdt	85.106.744		85.106.744
7	Chi phí dự phòng	Gdp	10,0 %					1.218.181.730
	TỔNG CỘNG	Gtmdt						13.399.999.034

(Mười ba tỷ ba trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn không trăm ba mươi bốn đồng)

PHỤ LỤC 4
THỐNG KÊ KINH PHÍ XÂY DỰNG, NÂNG CẤP, SỬA CHỮA TRỤ SỞ LÀM VIỆC CÔNG AN PHƯỜNG
(do nguồn kinh phí địa phương bảo đảm)

(Kèm theo Đề án về xây dựng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về ANTT và văn minh đô thị, giai đoạn 2023 - 2030)

1. Công an phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ

Đơn vị tính:
đồng

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Định mức	Hệ số	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
1	Chi phí xây dựng	Gepxd			Gxd	744.698.823	74.469.882	819.168.705
1.1	Nhà làm việc					592.058.757	59.205.876	651.264.633
1.2	Nhà bếp					56.986.269	5.698.627	62.684.896
1.3	Nhà vệ sinh					25.198.065	2.519.807	27.717.872
1.4	Các hạng mục phụ trợ					70.455.731	7.045.573	77.501.304
2	Chi phí quản lý dự án	Gqlđa	3,446 %		Gxd x 3,446%	25.662.321		25.662.321
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	Gtv			Gtv1 : Gtv5	83.912.663	8.391.266	92.303.930
3.1	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	Gtv1	6,5 %	1,15	Gxd x 6,5% x 1,15	55.666.237	5.566.624	61.232.861
3.2	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công	Gtv2	0,258 %		Gxd x 0,258%	1.921.323	192.132	2.113.455
3.3	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	Gtv3	0,25 %		Gxd x 0,250%	1.861.747	186.175	2.047.922
3.4	Chi phí lựa chọn nhà thầu	Gtv4	0,432 %		Gxd x 0,432%			
3.4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	Gtv5	3,285 %		Gxd x 3,285%	24.463.356	2.446.336	26.909.692
4	Chi phí khác	Gk			Gk1 : Gk5	5.679.100	0	5.679.100
4.1	Chi phí thẩm định BCKTKT	Gk1	0,019 %	0,5	TM x 0,019%	93.100		93.100
4.2	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	Gk2	0,05 %		Gxd x 0,05%			
4.3	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	Gk3	0,05 %		Gxd x 0,05%			
4.4	Chi phí đăng tải thông tin đấu thầu	Gk4						
4.2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Gk5	0,57 %	1,	TM x 0,57%	5.586.000		5.586.000
5	Chi phí dự phòng	Gdp						37.185.944
	TỔNG CỘNG							980.000.000

Bảng chữ: Chín trăm tám mươi triệu đồng chẵn./.

2. Công an phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ

Đơn vị tính:
đồng

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Định mức	Hệ số	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
1	Chi phí xây dựng	Gcp _{xd}			G _{xd}	744.698.823	74.469.882	819.168.705
1.1	Nhà làm việc					592.058.757	59.205.876	651.264.633
1.2	Nhà bếp					56.986.269	5.698.627	62.684.896
1.3	Nhà vệ sinh					25.198.065	2.519.807	27.717.872
1.4	Các hạng mục phụ trợ					70.455.731	7.045.573	77.501.304
2	Chi phí quản lý dự án	Gq _{lda}	3,446 %		G _{xd} x 3,446%	25.662.321		25.662.321
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	G _{tv}			G _{tv1} : G _{tv5}	83.912.663	8.391.266	92.303.930
3.1	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	G _{tv1}	6,5 %	1,15	G _{xd} x 6,5% x 1,15	55.666.237	5.566.624	61.232.861
3.2	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công	G _{tv2}	0,258 %		G _{xd} x 0,258%	1.921.323	192.132	2.113.455
3.3	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	G _{tv3}	0,25 %		G _{xd} x 0,250%	1.861.747	186.175	2.047.922
3.4	Chi phí lựa chọn nhà thầu	G _{tv4}	0,432 %		G _{xd} x 0,432%			
3.4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	G _{tv5}	3,285 %		G _{xd} x 3,285%	24.463.356	2.446.336	26.909.692
4	Chi phí khác	G _k			G _{k1} : G _{k5}	5.679.100	0	5.679.100
4.1	Chi phí thẩm định BCKTKT	G _{k1}	0,019 %	0,5	TM x 0,019%	93.100		93.100
4.2	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	G _{k2}	0,05 %		G _{xd} x 0,05%			
4.3	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	G _{k3}	0,05 %		G _{xd} x 0,05%			
4.4	Chi phí đăng tải thông tin đấu thầu	G _{k4}						
4.2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	G _{k5}	0,57 %	1,	TM x 0,57%	5.586.000		5.586.000
5	Chi phí dự phòng	G _{dp}						37.185.944
	TỔNG CỘNG							980.000.000

Bảng chữ: Chín trăm tám mươi triệu đồng chẵn./.

Đơn vị tính:
đồng

[illegible]

5. Công an phường Sông Đà, thị xã Mường Lay

Đơn vị tính:
đồng

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Định mức	Hệ số	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
1	Chi phí xây dựng	Gepxd			Gxd	744.698.823	74.469.882	819.168.705
1.1	Nhà làm việc					592.058.757	59.205.876	651.264.633
1.2	Nhà bếp					56.986.269	5.698.627	62.684.896
1.3	Nhà vệ sinh					25.198.065	2.519.807	27.717.872
1.4	Các hạng mục phụ trợ					70.455.731	7.045.573	77.501.304
2	Chi phí quản lý dự án	Gqlda	3,446 %		Gxd x 3,446%	25.662.321		25.662.321
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	Gtv			Gtv1 : Gtv5	83.912.663	8.391.266	92.303.930
3.1	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	Gtv1	6,5 %	1,15	Gxd x 6,5% x 1,15	55.666.237	5.566.624	61.232.861
3.2	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công	Gtv2	0,258 %		Gxd x 0,258%	1.921.323	192.132	2.113.455
3.3	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	Gtv3	0,25 %		Gxd x 0,250%	1.861.747	186.175	2.047.922
3.4	Chi phí lựa chọn nhà thầu	Gtv4	0,432 %		Gxd x 0,432%			
3.4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	Gtv5	3,285 %		Gxd x 3,285%	24.463.356	2.446.336	26.909.692
4	Chi phí khác	Gk			Gk1 : Gk5	5.679.100	0	5.679.100
4.1	Chi phí thẩm định BCKTKT	Gk1	0,019 %	0,5	TM x 0,019%	93.100		93.100
4.2	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	Gk2	0,05 %		Gxd x 0,05%			
4.3	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	Gk3	0,05 %		Gxd x 0,05%			
4.4	Chi phí đăng tải thông tin đấu thầu	Gk4						
4.2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Gk5	0,57 %	1,	TM x 0,57%	5.586.000		5.586.000
5	Chi phí dự phòng	Gdp						37.185.944
	TỔNG CỘNG							980.000.000

Bảng chữ: Chín trăm tám mươi triệu đồng chẵn./.

6. Công an phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ

Đơn vị tính:
đồng

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Định mức	Hệ số	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
1	Chi phí xây dựng	Gcp _{xd}			G _{xd}	744.698.823	74.469.882	819.168.705
1.1	Nhà làm việc					592.058.757	59.205.876	651.264.633
1.2	Nhà bếp					56.986.269	5.698.627	62.684.896
1.3	Nhà vệ sinh					25.198.065	2.519.807	27.717.872
1.4	Các hạng mục phụ trợ					70.455.731	7.045.573	77.501.304
2	Chi phí quản lý dự án	G _{ql_{da}}	3,446 %		G _{xd} x 3,446%	25.662.321		25.662.321
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	G _{tv}			G _{tv1} : G _{tv5}	83.912.663	8.391.266	92.303.930
3.1	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	G _{tv1}	6,5 %	1,15	G _{xd} x 6,5% x 1,15	55.666.237	5.566.624	61.232.861
3.2	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công	G _{tv2}	0,258 %		G _{xd} x 0,258%	1.921.323	192.132	2.113.455
3.3	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	G _{tv3}	0,25 %		G _{xd} x 0,250%	1.861.747	186.175	2.047.922
3.4	Chi phí lựa chọn nhà thầu	G _{tv4}	0,432 %		G _{xd} x 0,432%			
3.4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	G _{tv5}	3,285 %		G _{xd} x 3,285%	24.463.356	2.446.336	26.909.692
4	Chi phí khác	G _k			G _{k1} : G _{k5}	5.679.100	0	5.679.100
4.1	Chi phí thẩm định BCKTKT	G _{k1}	0,019 %	0,5	TM x 0,019%	93.100		93.100
4.2	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	G _{k2}	0,05 %		G _{xd} x 0,05%			
4.3	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	G _{k3}	0,05 %		G _{xd} x 0,05%			
4.4	Chi phí đăng tải thông tin đấu thầu	G _{k4}						
4.2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	G _{k5}	0,57 %	1,	TM x 0,57%	5.586.000		5.586.000
5	Chi phí dự phòng	G _{dp}						37.185.944
	TỔNG CỘNG							980.000.000

Bảng chữ: Chín trăm tám mươi triệu đồng chẵn./.

7. Công an phường Thanh Bình, thành phố Điện Biên Phủ

Đơn vị tính:
đồng

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Định mức	Hệ số	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
1	Chi phí xây dựng	Gcpxd			Gxd	744.698.823	74.469.882	819.168.705
1.1	Nhà làm việc					592.058.757	59.205.876	651.264.633
1.2	Nhà bếp					56.986.269	5.698.627	62.684.896
1.3	Nhà vệ sinh					25.198.065	2.519.807	27.717.872
1.4	Các hạng mục phụ trợ					70.455.731	7.045.573	77.501.304
2	Chi phí quản lý dự án	Gqlda	3,446 %		Gxd x 3,446%	25.662.321		25.662.321
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	Gtv			Gtv1 : Gtv5	83.912.663	8.391.266	92.303.930
3.1	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	Gtv1	6,5 %	1,15	Gxd x 6,5% x 1,15	55.666.237	5.566.624	61.232.861
3.2	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công	Gtv2	0,258 %		Gxd x 0,258%	1.921.323	192.132	2.113.455
3.3	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	Gtv3	0,25 %		Gxd x 0,250%	1.861.747	186.175	2.047.922
3.4	Chi phí lựa chọn nhà thầu	Gtv4	0,432 %		Gxd x 0,432%			
3.4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	Gtv5	3,285 %		Gxd x 3,285%	24.463.356	2.446.336	26.909.692
4	Chi phí khác	Gk			Gk1 : Gk5	5.679.100	0	5.679.100
4.1	Chi phí thẩm định BCKTKT	Gk1	0,019 %	0,5	TM x 0,019%	93.100		93.100
4.2	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	Gk2	0,05 %		Gxd x 0,05%			
4.3	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	Gk3	0,05 %		Gxd x 0,05%			
4.4	Chi phí đăng tải thông tin đấu thầu	Gk4						
4.2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Gk5	0,57 %	1,	TM x 0,57%	5.586.000		5.586.000
5	Chi phí dự phòng	Gdp						37.185.944
	TỔNG CỘNG							980.000.000

Bảng chữ: Chín trăm tám mươi triệu đồng chẵn./.

PHỤ LỤC 5

THỐNG KÊ KINH PHÍ MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ, VẬT TƯ CHO CÔNG AN PHƯỜNG**(Do nguồn kinh phí địa phương bảo đảm)***(Kèm theo Đề án xây dựng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về ANTT và văn minh đô thị, giai đoạn 2023 - 2030)***1. Công an phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ (triển khai năm 2023)**

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Thực lực hiện có	Tiêu chuẩn, định mức	Dự kiến nhu cầu đầu tư, trang bị đảm bảo theo tiêu chuẩn, định mức	Đơn giá (đồng)	Tiền đầu tư, trang bị	Ghi chú
1	Máy vi tính để bàn	Bộ	3	15	12	15.000.000	180.000.000	
2	Máy photocopy	Cái	0	1	1	60.000.000	60.000.000	
3	Máy hủy tài liệu	Cái	0	3	3	1.650.000	4.950.000	
4	Máy in	Cái	2	7	5	10.000.000	50.000.000	
5	Máy fax	Cái	0	1	1	7.000.000	7.000.000	
6	Giá hồ sơ nghiệp vụ	Chiếc	0	8	8	1.000.000	8.000.000	
7	Bàn ghế làm việc	Bộ	3	15	12	3.300.000	39.600.000	
8	Bàn ghế Hội trường (ghế)	Cái	8	15	7	950.000	6.650.000	
9	Tủ tài liệu	Cái	2	7	5	4.000.000	20.000.000	
11	Giường cá nhân	Cái	0	15	15	1.400.000	21.000.000	
Tổng							397.200.000	

*(Bằng chữ: Ba trăm chín mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng)***2. Công an phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ (triển khai năm 2024)**

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Thực lực hiện có	Tiêu chuẩn, định mức	Dự kiến nhu cầu đầu tư, trang bị đảm bảo theo tiêu chuẩn, định mức	Đơn giá (đồng)	Tiền đầu tư, trang bị	Ghi chú
1	Máy vi tính để bàn	Bộ	4	15	11	15.000.000	165.000.000	
2	Máy photocopy	Cái	0	1	1	60.000.000	60.000.000	
3	Máy hủy tài liệu	Cái	0	3	3	1.650.000	4.950.000	
4	Máy in	Cái	2	7	5	10.000.000	50.000.000	
5	Máy fax	Cái	0	1	1	7.000.000	7.000.000	
6	Giá hồ sơ nghiệp vụ	Chiếc	0	8	8	1.000.000	8.000.000	

7	Bàn ghế làm việc	Bộ	4	15	11	3.300.000	36.300.000	
8	Bàn ghế Hội trường (ghế)	Cái	11	15	4	950.000	3.800.000	
9	Tủ tài liệu	Cái	3	7	4	4.000.000	16.000.000	
11	Giường cá nhân	Cái	0	15	15	1.400.000	21.000.000	
Tổng							372.050.000	

(Bảng chữ: Ba trăm bảy mươi hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng)

3. Công an phường Na Lay, thị xã Mường Lay (triển khai năm 2024)

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Thực lực hiện có	Tiêu chuẩn, định mức	Dự kiến nhu cầu đầu tư, trang bị đảm bảo theo tiêu chuẩn, định mức	Đơn giá (đồng)	Tiền đầu tư, trang bị	Ghi chú
1	Máy vi tính để bàn	Bộ	5	15	10	15.000.000	150.000.000	
2	Máy photocopy	Cái	0	1	1	60.000.000	60.000.000	
3	Máy hủy tài liệu	Cái	0	3	3	1.650.000	4.950.000	
4	Máy in	Cái	1	7	6	10.000.000	60.000.000	
5	Máy fax	Cái	0	1	1	7.000.000	7.000.000	
6	Giá hồ sơ nghiệp vụ	Chiếc	0	8	8	1.000.000	8.000.000	
7	Bàn ghế làm việc	Bộ	5	15	10	3.300.000	33.000.000	
8	Bàn ghế Hội trường (ghế)	Cái	8	15	7	950.000	6.650.000	
9	Tủ tài liệu	Cái	7	7	0	4.000.000	0	
11	Giường cá nhân	Cái	0	15	15	1.400.000	21.000.000	
Tổng							350.600.000	

(Bảng chữ: Ba trăm năm mươi triệu sáu trăm nghìn đồng)

4. Công an phường Thanh Trường, thành phố Điện Biên Phủ (triển khai năm 2025)

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Thực lực hiện có	Tiêu chuẩn, định mức	Dự kiến nhu cầu đầu tư, trang bị đảm bảo theo tiêu chuẩn, định mức	Đơn giá (đồng)	Tiền đầu tư, trang bị	Ghi chú
1	Máy vi tính để bàn	Bộ	5	15	10	15.000.000	150.000.000	
2	Máy photocopy	Cái	0	1	1	60.000.000	60.000.000	
3	Máy hủy tài liệu	Cái	0	3	3	1.650.000	4.950.000	
4	Máy in	Cái	2	7	5	10.000.000	50.000.000	
5	Máy fax	Cái	0	1	1	7.000.000	7.000.000	

6	Giá hồ sơ nghiệp vụ	Chiếc	5	8	3	1.000.000	3.000.000	
7	Bàn ghế làm việc	Bộ	5	15	10	3.300.000	33.000.000	
8	Bàn ghế Hội trường (ghế)	Cái	6	15	9	950.000	8.550.000	
9	Tủ tài liệu	Cái	4	7	3	4.000.000	12.000.000	
11	Giường cá nhân	Cái	0	15	15	1.400.000	21.000.000	
Tổng							349.500.000	

(Bảng chữ: Ba trăm bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng)

5. Công an phường Sông Đà, thành phố Điện Biên Phủ (triển khai năm 2025)

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Thực lực hiện có	Tiêu chuẩn, định mức	Dự kiến nhu cầu đầu tư, trang bị đảm bảo theo tiêu chuẩn, định mức	Đơn giá (đồng)	Tiền đầu tư, trang bị	Ghi chú
1	Máy vi tính để bàn	Bộ	3	15	12	15.000.000	180.000.000	
2	Máy photocopy	Cái	0	1	1	60.000.000	60.000.000	
3	Máy hủy tài liệu	Cái	0	3	3	1.650.000	4.950.000	
4	Máy in	Cái	2	7	5	10.000.000	50.000.000	
5	Máy fax	Cái	0	1	1	7.000.000	7.000.000	
6	Giá hồ sơ nghiệp vụ	Chiếc	0	8	8	1.000.000	8.000.000	
7	Bàn ghế làm việc	Bộ	4	15	11	3.300.000	36.300.000	
8	Bàn ghế Hội trường (ghế)	Cái	0	15	15	950.000	14.250.000	
9	Tủ tài liệu	Cái	4	7	3	4.000.000	12.000.000	
11	Giường cá nhân	Cái	0	15	15	1.400.000	21.000.000	
Tổng							393.500.000	

(Bảng chữ: Ba trăm chín mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng)

6. Công an phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ (triển khai năm 2026)

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Thực lực hiện có	Tiêu chuẩn, định mức	Dự kiến nhu cầu đầu tư, trang bị đảm bảo theo tiêu chuẩn, định mức	Đơn giá (đồng)	Tiền đầu tư, trang bị	Ghi chú
1	Máy vi tính để bàn	Bộ	3	15	12	15.000.000	180.000.000	
2	Máy photocopy	Cái	0	1	1	60.000.000	60.000.000	
3	Máy hủy tài liệu	Cái	0	3	3	1.650.000	4.950.000	
4	Máy in	Cái	2	7	5	10.000.000	50.000.000	

5	Máy fax	Cái	0	1	1	7.000.000	7.000.000	
6	Giá hồ sơ nghiệp vụ	Chiếc	2	8	6	1.000.000	6.000.000	
7	Bàn ghế làm việc	Bộ	3	15	12	3.300.000	39.600.000	
8	Bàn ghế Hội trường (ghế)	Cái	11	15	4	950.000	3.800.000	
9	Tủ tài liệu	Cái	3	7	4	4.000.000	16.000.000	
11	Giường cá nhân	Cái	0	15	15	1.400.000	21.000.000	
Tổng							388.350.000	

(Bằng chữ: Ba trăm tám mươi tám triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng)

7. Công an phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ (triển khai năm 2027)

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Thực lực hiện có	Tiêu chuẩn, định mức	Dự kiến nhu cầu đầu tư, trang bị đảm bảo theo tiêu chuẩn, định mức	Đơn giá (đồng)	Tiền đầu tư, trang bị	Ghi chú
1	Máy vi tính để bàn	Bộ	3	15	12	15.000.000	180.000.000	
2	Máy photocopy	Cái	0	1	1	60.000.000	60.000.000	
3	Máy hủy tài liệu	Cái	0	3	3	1.650.000	4.950.000	
4	Máy in	Cái	2	7	5	10.000.000	50.000.000	
5	Máy fax	Cái	0	1	1	7.000.000	7.000.000	
6	Giá hồ sơ nghiệp vụ	Chiếc	0	8	8	1.000.000	8.000.000	
7	Bàn ghế làm việc	Bộ	3	15	12	3.300.000	39.600.000	
8	Bàn ghế Hội trường (ghế)	Cái	12	15	3	950.000	2.850.000	
9	Tủ tài liệu	Cái	7	7	0	4.000.000	0	
11	Giường cá nhân	Cái	0	15	15	1.400.000	21.000.000	
Tổng							373.400.000	

(Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng)

8. Công an phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ (triển khai năm 2028)

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Thực lực hiện có	Tiêu chuẩn, định mức	Dự kiến nhu cầu đầu tư, trang bị đảm bảo theo tiêu chuẩn, định mức	Đơn giá (đồng)	Tiền đầu tư, trang bị	Ghi chú
1	Máy vi tính để bàn	Bộ	4	15	11	15.000.000	165.000.000	
2	Máy photocopy	Cái	0	1	1	60.000.000	60.000.000	

3	Máy hủy tài liệu	Cái	0	3	3	1.650.000	4.950.000	
4	Máy in	Cái	3	7	4	10.000.000	40.000.000	
5	Máy fax	Cái	0	1	1	7.000.000	7.000.000	
6	Giá hồ sơ nghiệp vụ	Chiếc	0	8	8	1.000.000	8.000.000	
7	Bàn ghế làm việc	Bộ	4	15	11	3.300.000	36.300.000	
8	Bàn ghế Hội trường (ghế)	Cái	6	15	9	950.000	8.550.000	
9	Tủ tài liệu	Cái	6	7	1	4.000.000	4.000.000	
11	Giường cá nhân	Cái	7	15	8	1.400.000	11.200.000	
Tổng							345.000.000	

(Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi năm triệu đồng)

9. Công an phường Thanh Bình, thành phố Điện Biên Phủ (triển khai năm 2029)

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Thực lực hiện có	Tiêu chuẩn, định mức	Dự kiến nhu cầu đầu tư, trang bị đảm bảo theo tiêu chuẩn, định mức	Đơn giá (đồng)	Tiền đầu tư, trang bị	Ghi chú
1	Máy vi tính để bàn	Bộ	4	15	11	15.000.000	165.000.000	
2	Máy photocopy	Cái	0	1	1	60.000.000	60.000.000	
3	Máy hủy tài liệu	Cái	0	3	3	1.650.000	4.950.000	
4	Máy in	Cái	4	7	3	10.000.000	30.000.000	
5	Máy fax	Cái	0	1	1	7.000.000	7.000.000	
6	Giá hồ sơ nghiệp vụ	Chiếc	0	8	8	1.000.000	8.000.000	
7	Bàn ghế làm việc	Bộ	3	15	12	3.300.000	39.600.000	
8	Bàn ghế Hội trường (ghế)	Cái	11	15	4	950.000	3.800.000	
9	Tủ tài liệu	Cái	3	7	4	4.000.000	16.000.000	
11	Giường cá nhân	Cái	0	15	15	1.400.000	21.000.000	
Tổng							355.350.000	

(Bằng chữ: Ba trăm năm mươi năm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng)

Tổng 09 Công an phường: 3.324.950.000đ (Ba tỷ ba trăm hai mươi bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng)